

Vụ Dân tộc thiểu số
Ủy ban Dân tộc

 **Irish Aid**
Rialtas na hÉireann
Government of Ireland

 **UN
WOMEN**



HƯỚNG DẪN
**THÚC ĐẨY VÀ THỰC HIỆN
NGÂN SÁCH CÓ TRÁCH NHIỆM GIỚI**

Áp dụng đối với
Chương trình phát triển kinh tế xã hội
các xã đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số
và miền núi (Chương trình 135) giai đoạn 2016-2020

Cơ quan Liên Hợp Quốc về Bình đẳng giới và Trao quyền cho Phụ nữ (UN Women) là tổ chức thuộc Liên Hợp Quốc (LHQ) về các vấn đề bình đẳng giới và nâng cao địa vị phụ nữ. Là tổ chức toàn cầu đi đầu về bảo vệ phụ nữ và trẻ em gái, UN Women được thành lập nhằm thúc đẩy sự tiến bộ trong việc đáp ứng các nhu cầu của phụ nữ và trẻ em trên toàn thế giới.

Hướng dẫn thúc đẩy và thực hiện Ngân sách có trách nhiệm giới - Áp dụng đối với Chương trình phát triển kinh tế xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi (Chương trình 135) giai đoạn 2016-2020

Xuất bản lần thứ nhất, 2019.

Bản quyền © Cơ quan Liên Hợp Quốc về Bình đẳng giới và Trao quyền cho Phụ nữ (UN Women)

Tất cả các quyền bản quyền được bảo hộ. Việc tái bản và phổ biến các tài liệu trong ấn phẩm này nhằm mục đích giáo dục và phi thương mại đều được phép mà không cần xin phép UN Women bằng văn bản, với điều kiện phải dẫn nguồn đầy đủ. Việc tái bản ấn phẩm này nhằm mục đích bán lại hay vì các mục đích thương mại khác đều bị cấm nếu không xin phép UN Women.

Đơn xin phép có thể gửi đến địa chỉ registry.vietnam@unwomen.org hoặc địa chỉ như sau:

Cơ quan Liên Hợp Quốc về Bình đẳng giới và Trao quyền cho Phụ nữ (UN Women)

Địa chỉ: 304 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam

Fax: +84 24 3726 5520

Website: <http://vietnam.unwomen.org>

Điện thoại: +84 24 38500100

Các quan điểm thể hiện trong ấn phẩm này là quan điểm của các tác giả và không nhất thiết đại diện cho quan điểm của UN Women, của Liên Hợp Quốc hay của bất cứ tổ chức nào khác trực thuộc Liên Hợp Quốc.

Ảnh bìa: UN Women Việt Nam/Nguyễn Minh Đức

LỜI CẢM ƠN

Tài liệu Hướng dẫn thúc đẩy và thực hiện ngân sách có trách nhiệm giới trong Chương trình phát triển kinh tế xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi (Gọi tắt là Chương trình 135) được xây dựng trong khuôn khổ dự án “Trao quyền cho phụ nữ và trẻ em gái dân tộc thiểu số thông qua chính sách và chương trình có trách nhiệm giới” giữa Vụ Dân tộc thiểu số - Ủy ban Dân tộc (UBDT) và Cơ quan Liên Hợp Quốc về Bình đẳng giới và Trao quyền cho phụ nữ (UN Women) với sự hỗ trợ tài chính của Chính phủ Ireland.

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn Bà Phạm Thu Hiền – Chuyên gia giới, trưởng nhóm biên soạn và Ông Triệu Hồng Sơn – Nguyên Vụ trưởng Vụ Tổng hợp UBDT, thành viên nhóm biên soạn đã đồng hành cùng Vụ Dân tộc thiểu số - UBDT và UN Women trong suốt quá trình xây dựng cuốn Tài liệu. Bà Nguyễn Thị Tư – Vụ trưởng Vụ Dân tộc thiểu số và ông Đặng Tiến Hùng – Phó chánh Văn phòng điều phối Chương trình 135 - UBDT, Bà Vũ Phương Ly – Chuyên gia chương trình của UN Women tại Việt Nam đã đóng góp, chỉ đạo ý kiến kỹ thuật và đồng hành cùng nhóm chuyên gia trong quá trình xây dựng để hoàn thiện tài liệu này.

Vụ Dân tộc thiểu số - UBDT và UN Women xin được gửi lời cảm ơn đặc biệt tới các đại biểu đến từ UBDT và các Ban Dân tộc của nhiều tỉnh thành trong cả nước đã tham gia đóng góp ý kiến cho việc xây dựng và hoàn thiện cuốn Tài liệu hướng dẫn này tại các hội thảo kỹ thuật về ngân sách có trách nhiệm giới tổ chức vào tháng 7 và tháng 10 năm 2018 tại Hà Nội.

Vụ Dân tộc thiểu số - UBDT và UN Women xin hoan nghênh mọi ý kiến đóng góp nhằm hoàn thiện Tài liệu này.

GIỚI THIỆU

Cho đến nay, ngân sách có trách nhiệm giới đã được thực hiện trên nhiều quốc gia trên thế giới và được xem là công cụ quan trọng nhằm đảm bảo bình đẳng giới thực chất. UN Women định nghĩa ngân sách có trách nhiệm giới là cách tiếp cận đảm bảo lồng ghép bình đẳng giới có hiệu quả vào quá trình lập kế hoạch và quy trình ngân sách; đồng thời xem xét ảnh hưởng và tác động của ngân sách đối với việc thực hiện bình đẳng giới. Ngân sách có trách nhiệm giới không phải là dòng ngân sách cụ thể dành riêng cho phụ nữ và nam giới, mà là những nỗ lực đưa các vấn đề giới vào chính sách, kế hoạch và ngân sách của chính phủ nhằm cải thiện phân bổ và thực hiện ngân sách hướng đến bình đẳng giới. Do đó, ngân sách có trách nhiệm giới là một trong những nguyên tắc của quản lý tài chính công, đảm bảo phân bổ nguồn lực có hiệu quả dựa trên các phân tích giới, qua đó vừa thúc đẩy bình đẳng giới vừa cải thiện tăng trưởng kinh tế. Hiệu quả, minh bạch và trách nhiệm giải trình là những yêu cầu cốt lõi mà ngân sách có trách nhiệm giới đóng góp vào cải cách và quản lý tài chính công. Quá trình thực hiện ngân sách có trách nhiệm giới luôn yêu cầu tiến hành phân tích giới để xác định các can thiệp thúc đẩy bình đẳng giới thông qua giải pháp về ngân sách trong chu trình ngân sách.

Ở Việt Nam, các yếu tố cơ bản của ngân sách có trách nhiệm giới đã được phản ánh trong Luật Ngân sách nhà nước sửa đổi năm 2015. Cụ thể, bình đẳng giới được quy định là một trong những nguyên tắc quản lý ngân sách nhà nước và căn cứ lập dự toán ngân sách nhà nước hàng năm. Tuy nhiên, cho đến nay việc thực hiện nguyên tắc này còn nhiều khó khăn như: thiếu hướng dẫn cụ thể cho các cơ quan của chính phủ và địa phương; thiếu số liệu tách biệt giới và phân tích giới trong nhiều lĩnh vực; sự hiểu biết còn hạn chế về ngân sách có trách nhiệm giới của các bên liên quan. Do đó, xây dựng hướng dẫn và thí điểm áp dụng ngân sách có trách nhiệm giới trong bối cảnh của Việt Nam là điều cần thiết để đưa ra các bài học và kinh nghiệm quý báu đối với các nhà hoạch định chính sách. Đây cũng là cơ sở để áp dụng ngân sách có trách nhiệm giới trong các lĩnh vực một cách rộng rãi.

Với mục đích đó, Tài liệu Hướng dẫn thúc đẩy và thực hiện ngân sách có trách nhiệm giới trong Chương trình 135 (sau đây được gọi vắn tắt là Tài liệu) đưa ra những hướng dẫn cụ thể để thực hiện ngân sách có trách nhiệm giới trong các hoạt động tiểu dự án của Chương trình 135. Chương trình 135 được lựa chọn vì đây là một Chương trình thành công nhất của Việt Nam trong công cuộc xóa đói giảm nghèo trong nhiều năm qua. Chương trình đã mang lại nhiều tác động tích cực đối với phát triển kinh tế - xã hội ở vùng dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn của Việt Nam. Việc thúc đẩy ngân sách có trách nhiệm giới trong lĩnh vực này có thể đưa ra những bài học kinh nghiệm cho Việt Nam để thực hiện ngân sách có trách nhiệm giới trong các lĩnh vực khác.

Tài liệu hướng đến đối tượng sử dụng là cán bộ làm công tác dân tộc, cán bộ lập kế hoạch, triển khai và thực hiện Chương trình 135, cán bộ tham mưu của các sở, ban ngành về Chương trình 135; cán bộ làm công tác vì sự tiến bộ phụ nữ và bình đẳng giới, chuyên gia tài chính, ngân sách và chuyên gia giới.

Ngoài phần Giới thiệu, Tài liệu gồm 3 phần chính: (i) Kiến thức chung về giới, bình đẳng giới và ngân sách có trách nhiệm giới; (ii) Phân tích giới và lồng ghép giới trong Chương trình 135 và (iii) Lồng ghép giới trong lĩnh vực ngân sách đối với Chương trình 135.

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT	7
DANH MỤC CÁC HỘP	8
DANH MỤC CÁC HÌNH	10

PHẦN I: KIẾN THỨC CHUNG VỀ GIỚI, BÌNH ĐẲNG GIỚI VÀ NGÂN SÁCH CÓ TRÁCH NHIỆM GIỚI	12
1. Các khái niệm cơ bản về giới	13
2. Một số vấn đề bất bình đẳng giới ở các lĩnh vực hiện nay ở Việt Nam và các yếu tố tác động	16
3. Các khái niệm về ngân sách và chu trình ngân sách	20
4. Khái niệm về ngân sách có trách nhiệm giới	21
5. Căn cứ pháp lý về việc thực hiện ngân sách có trách nhiệm giới	23
6. Phương pháp thực hiện ngân sách có trách nhiệm giới	24

PHẦN II: PHÂN TÍCH GIỚI VÀ LỒNG GHÉP GIỚI TRONG CHƯƠNG TRÌNH 135	26
1. Giới thiệu tổng quát về Chương trình 135 giai đoạn 2016-2020	27
2. Phân tích giới trong chương trình 135	31
3. Lồng ghép giới vào một số lĩnh vực của chương trình 135	36

PHẦN III: LỒNG GHÉP GIỚI TRONG QUÁ TRÌNH NGÂN SÁCH ĐỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH 135	58
1. Lồng ghép giới vào lập kế hoạch và dự toán ngân sách	59
2. Lồng ghép giới vào quá trình chấp hành ngân sách	66
3. Lồng ghép giới vào quyết toán ngân sách	82

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BGS	Ban Giám sát
CT 135	Chương trình 135
CSHT	Cơ sở hạ tầng
DTTS	Dân tộc thiểu số
ĐBKK	Đặc biệt khó khăn
HĐND	Hội đồng nhân dân
HTX	Hợp tác xã
MTQGGN	Mục tiêu quốc gia giảm nghèo
NN & PTNT	Nông nghiệp và phát triển nông thôn
NSDP	Ngân sách địa phương
NSNN	Ngân sách nhà nước
NSTW	Ngân sách Trung ương
KT-KT	Kinh tế- Kỹ thuật
KT-XH	Kinh tế-Xã hội
PTSX	Phát triển sản xuất
UBND	Ủy ban nhân dân
UBNDT	Ủy ban Dân tộc

DANH MỤC CÁC HỘP

Hộp 1: Phân biệt giới và giới tính

Hộp 2: Các yếu tố tác động tiêu cực đến bình đẳng giới

Hộp 3: Đặc điểm của ngân sách có trách nhiệm giới

Hộp 4: Mục tiêu của việc thực hiện ngân sách có trách nhiệm giới

Hộp 5: Quy định về bình đẳng giới trong Luật Ngân sách Nhà nước 2015

Hộp 6: Phân công lao động trong quá trình thực hiện CT 135 – Những điểm cần lưu ý

Hộp 7: Nguồn lực từ Chương trình 135

Hộp 8: Sự tham gia vào quá trình ra quyết định đầu tư của CT 135

Hộp 9: Thuyết minh báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình cấp nước sạch

Hộp 10: Chủ thầu xây dựng cần đảm bảo công bằng giới trong tuyển dụng

Hộp 11: Phụ nữ DTTS tham gia mô hình vận hành, bảo trì công trình CSHT

Hộp 12: Các vấn đề cần làm rõ để đảm bảo sự tham gia đầy đủ của nữ

Hộp 13: Những vấn đề giới cần quan tâm trong quy trình và thủ tục phê duyệt dự án hỗ trợ PTSX

Hộp 14: Một số đề xuất để thúc đẩy sự tham gia của phụ nữ vào tập huấn

Hộp 15: Những khó khăn khi phụ nữ tham gia tập huấn

Hộp 16: Hướng dẫn họp thôn xây dựng kế hoạch

Hộp 17: Ví dụ về các khía cạnh giới trong lập kế hoạch và dự toán ngân sách

Hộp 18: Nghiên cứu tình huống về lập kế hoạch và dự toán ngân sách

Hộp 19: Các hoạt động cần thực hiện để lồng ghép giới trong tiểu dự án hỗ trợ PTSX

Hộp 20: Giả định và thực tế

Hộp 21: Kết quả thực hiện Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất

Hộp 22: Báo cáo kết quả về hoạt động nâng cao năng lực

Hộp 23: Ví dụ về tiêu chí đánh giá ngân sách có trách nhiệm giới

Hộp 24: Lồng ghép giới trong Báo cáo kết quả thực hiện hiệu quả chi ngân sách.

DANH MỤC CÁC HÌNH

Hình 1: Chu trình ngân sách

Hình 2: Ngân sách có trách nhiệm giới

Hình 3: Quy trình thực hiện ngân sách có trách nhiệm giới trong CT 135

Hình 4: Vai trò của chủ đầu tư trong việc thực hiện lồng ghép giới



PHẦN I

**KIẾN THỨC CHUNG VỀ GIỚI,
BÌNH ĐẲNG GIỚI VÀ NGÂN SÁCH
CÓ TRÁCH NHIỆM GIỚI**

Ảnh: UN Women Việt Nam/ Bùi Đức Việt

1. CÁC KHÁI NIỆM CƠ BẢN VỀ GIỚI

Giới và Giới tính

Hộp 1: Phân biệt Giới và Giới tính	
Giới	Giới tính
<ul style="list-style-type: none">• Chỉ đặc điểm, vị trí, vai trò của nam và nữ trong các mối quan hệ xã hội.• Giới được hình thành do việc dạy và học mà có.• Giới có sự khác nhau giữa các khu vực, giai đoạn lịch sử.• Vai trò này có thể thay đổi.	<ul style="list-style-type: none">• Chỉ các đặc điểm sinh học của nam và nữ.• Giới tính mang tính bẩm sinh, từ khi sinh ra• Giới tính có tính chất toàn cầu: giống nhau trên khắp thế giới.• Không thể thay đổi.

Phân biệt đối xử với phụ nữ

- “Phân biệt đối xử với phụ nữ” có nghĩa là bất kỳ sự phân biệt, loại trừ hay hạn chế nào dựa trên cơ sở giới tính, có tác dụng hoặc nhằm mục đích làm tổn hại hoặc vô hiệu hóa việc phụ nữ, bất kể tình trạng hôn nhân của họ như thế nào, được công nhận, hưởng thụ hay thực hiện các quyền con người và tự do cơ bản trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, dân sự hay bất kể lĩnh vực nào khác, trên cơ sở bình đẳng giữa nam giới và phụ nữ¹.

Bình đẳng giới thực chất

- Bình đẳng giới thực chất đảm bảo phụ nữ được bình đẳng về cơ hội, cũng như trong việc tiếp cận các cơ hội đó và bình đẳng trong kết quả hay lợi ích mà sự phát triển đem lại.
- Bình đẳng giới thực chất thừa nhận sự khác biệt nhưng khẳng định cuối cùng nam và nữ cần được bình đẳng. Các quốc gia có trách nhiệm điều chỉnh môi trường gây bất lợi cho phụ nữ, tạo môi trường bình đẳng và hệ thống luật pháp chính sách tính đến quan điểm giới².

1 Công ước của Liên hợp quốc về Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử đối với phụ nữ (CEDAW)

2 UN Women: Video Clip Substantive Gender Equality, at <https://www.youtube.com/watch?v=r18INB-XMlk>

Công bằng giới

- Là quá trình đối xử công bằng đối với nam và nữ, ví dụ như sự phân bổ công bằng về nguồn lực và cơ hội. Công bằng có thể được coi là phương tiện thực hiện và bình đẳng giới là mục đích cuối cùng. Công bằng sẽ dẫn đến bình đẳng.

Định kiến giới

- Là nhận thức, thái độ và hành vi đánh giá thiên lệch, tiêu cực về khả năng, vị trí, vai trò... của nữ hoặc nam.
- Định kiến giới là nguyên nhân gây ra và duy trì sự bất bình đẳng giới.

Phân tích giới

- Phân tích giới là việc tìm hiểu thực trạng, mối tương quan giữa nam và nữ; nhu cầu và ưu tiên của họ trong một lĩnh vực cụ thể. Phân tích giới là một phần quan trọng của phân tích chính sách nhằm xem xét tác động của chính sách đến nam và nữ.
- Phân tích giới chỉ rõ nam và nữ ai đang làm gì, mức độ tiếp cận, thụ hưởng chính sách ra sao. Nhờ phân tích giới mà xác định được sự khác biệt giữa nam và nữ trên các mặt sau: (i) Công việc và điều kiện làm việc; (ii) Tiếp cận và kiểm soát nguồn lực; (iii) Hưởng lợi từ chính sách; (iv) Tham gia ra quyết định; (v) Nhu cầu, mong muốn.

Lồng ghép giới

- Lồng ghép giới là biện pháp nhằm thực hiện mục tiêu bình đẳng giới. Đó là việc xem xét nhu cầu và mối quan tâm của nữ và nam trong quá trình xây dựng, thực hiện và kiểm tra, giám sát từng chính sách, chương trình, dự án, nhằm xóa bỏ các biểu hiện bất bình đẳng nam nữ. Lồng ghép giới chính là việc đánh giá, xem xét cần làm gì cho nữ và nam ở mỗi hoạt động, mỗi đề án cụ thể ở tất cả các cấp và trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Nhạy cảm giới

- Là nhận thức đầy đủ và đúng đắn về nhu cầu, vai trò, trách nhiệm khác nhau của nam và nữ, thừa nhận rằng những khác biệt này có thể dẫn đến sự khác biệt giữa nam và nữ về tiếp cận và kiểm soát nguồn lực và mức độ tham gia, thụ hưởng lợi ích và thành quả của phát triển.

Trách nhiệm giới

- Là việc đưa ra và thực hiện các biện pháp cụ thể nhằm giải quyết và khắc phục bất bình đẳng giới trên cơ sở hiểu rõ những biểu hiện và nguyên nhân của các bất bình đẳng giới đang tồn tại.

Số liệu hay thông tin tách biệt theo giới tính

- Số liệu hay thông tin tách biệt theo giới tính là những con số và thông tin về nam và nữ cho phép so sánh giữa hai giới trong một vấn đề hay một lĩnh vực cụ thể. Phân tích giới sẽ không thể thực hiện khi thiếu thông tin và số liệu tách biệt giới.

Biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới

- Biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới là biện pháp nhằm đảm bảo bình đẳng giới thực chất, do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành. Các biện pháp này được thực hiện khi có sự chênh lệch lớn giữa nam và nữ về vị trí, vai trò, điều kiện, cơ hội phát huy tiềm năng và thụ hưởng thành quả của phát triển mà việc áp dụng các quy định như nhau giữa nam và nữ không làm giảm sự chênh lệch này. Ví dụ cơ cấu về tỷ lệ nữ tham gia lãnh đạo, quản lý trong bối cảnh tỷ lệ này rất thấp so với nam giới, vì vậy việc cơ cấu này được xem là biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới.

2. MỘT SỐ VẤN ĐỀ BẤT BÌNH ĐẲNG GIỚI Ở CÁC LĨNH VỰC HIỆN NAY Ở VIỆT NAM VÀ CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG³

Chăm sóc sức khỏe

- Bạo lực gia đình và xâm hại tình dục đối với phụ nữ và trẻ em gái
- Mất cân bằng về tỉ lệ giới tính khi sinh
- Tỷ lệ nạo phá thai vị thành niên cao
- Chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khỏe còn nhiều bất cập

Đối với vùng dân tộc thiểu số:

- Tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản còn nhiều khó khăn ở miền núi và vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số;
- Mặc dù hiện nay 100% xã đã có trạm y tế, song tỷ lệ bà mẹ không sinh đẻ ở trạm y tế, sinh con tại nhà còn cao.
- Tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống ở vùng dân tộc thiểu số, miền núi ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe và duy trì nòi giống.
- Các dân tộc H'Mông, Thái, Ba Na, Tày, Dao, Nùng... có tỷ lệ tử vong mẹ cao khi sinh con (tỉ lệ này cao gấp bốn lần so với dân tộc Kinh), sinh nhiều con hơn, sinh sớm hơn do với dân tộc Kinh.

3 Các số liệu và thông tin về sự khác biệt giới ở vùng dân tộc dân tộc thiểu số được trích từ Cuốn Số liệu của UN Women và UBĐT về phụ nữ và nam giới các dân tộc ở Việt Nam năm 2015 (qua kết quả Điều tra thực trạng kinh tế- xã hội 53 DTTS Việt Nam năm 2015)

Giáo dục và đào tạo nghề

- Nữ thường tham gia đào tạo nghề ngắn hạn, nghề truyền thống, trong khi những nghề này thường mang lại thu nhập thấp hoặc gặp khó khăn hơn khi tìm kiếm việc làm.
- Tồn tại sự tách biệt giới theo ngành học (nữ tập trung nhiều ở bậc giáo dục thấp như mầm non, tiểu học, nam giới tập trung nhiều vào ngành kỹ thuật, xây dựng..).
- Tỷ lệ nữ có trình độ sau đại học thấp hơn nhiều so với nam, đặc biệt ở trình độ cao như tiến sĩ hay học hàm Phó giáo sư, Giáo sư.

Đối với vùng dân tộc thiểu số

- Tiếp cận giáo dục của trẻ em vùng DTTS còn nhiều khó khăn, nhất là trẻ em gái, người khuyết tật, nhóm di cư... Tỷ lệ biết chữ, trình độ học vấn của phụ nữ DTTS lớn tuổi thấp hơn nhiều so với phụ nữ nhóm người Kinh và Hoa.
- So với dân tộc Kinh, tỷ lệ lao động DTTS làm công việc chuyên môn kỹ thuật rất thấp; đa số làm công việc phổ thông, không yêu cầu tay nghề/trình độ chuyên môn kỹ thuật. Tỷ lệ người DTTS từ 15 tuổi trở lên đã qua đào tạo chuyên môn kỹ thuật (CMKT) rất thấp là 6,11% (nam 6,53%, nữ 5,69%)⁴ chỉ bằng 1/3 so với tỷ lệ tương ứng của Kinh⁵. Có tới 12/53 DTTS có tỷ lệ người từ 15 tuổi trở lên đã qua đào tạo CMKT dưới 2% như Xtiêng 0,81% (nam 0,83%, nữ 0,78%), Mảng 0,89% (nam 1,35%, nữ 0,45%), Brâu 1,06% (nam 2,03%, nữ 0,16%)⁶.

4 Tổng cục Thống kê, Điều tra thực trạng kinh tế-xã hội của 53 DTTS năm 2015.

5 Tổng cục Thống kê, Điều tra Mức sống hộ gia đình năm 2015.

6 Tổng cục Thống kê, Điều tra thực trạng kinh tế-xã hội của 53 DTTS năm 2015.

Vấn đề đói nghèo, lao động, việc làm và an sinh xã hội

- Tỷ lệ lao động nữ tập trung nhiều vào khu vực phi chính thức, hoặc những công việc dễ tổn thương;
- Cơ hội việc làm của nữ bị hạn chế, nhất là trong những lĩnh vực như công nghệ thông tin, nghề kỹ thuật gặp nhiều thách thức;
- Nữ thường tập trung vào những việc đơn giản không yêu cầu có kỹ năng và trình độ đào tạo nghề của nữ thấp hơn;
- Phụ nữ chủ yếu tập trung làm các công việc được trả lương thấp, công việc không yêu cầu chất lượng và được trả lương ít hơn nam giới cho cùng công việc có giá trị tương đương;
- Phụ nữ làm chính công việc chăm sóc không lương, điều này gây khó khăn cho nữ trong việc nâng cao tay nghề, chuyển đổi việc làm cũng như nắm bắt cơ hội đảm nhiệm vị trí cao và có mức lương cao hơn;
- Có ít dịch vụ bảo trợ xã hội cho nữ và trẻ em gái trong khu vực phi chính thức, trong khi đây là nơi tập trung đông lao động nữ và trẻ em gái;
- Hệ thống chăm sóc xã hội cho người già còn thiếu, làm tăng gánh nặng công việc chăm sóc người già cho các thành viên nữ trong gia đình.

Đối với vùng dân tộc thiểu số

- Theo số liệu năm 2017, cả nước có 1.642.482 hộ nghèo trong đó số hộ nghèo DTTS là 864.931 chiếm 52.6% tổng số hộ nghèo trên toàn quốc⁷. Điều tra thực trạng kinh tế-xã hội của 53 DTTS năm 2015 cho thấy tỷ lệ dân số sống dưới ngưỡng nghèo đối với nhóm người Kinh là 5.1%, trong khi đó với nhóm DTTS còn lại là 29.1%. Những dân tộc có tỷ lệ dân số sống dưới ngưỡng nghèo cao nhất là dân tộc H'Mông 61.5%, Thái 38.9%, Dao 30.4%, v.v. Phụ nữ trong các hộ nghèo đối mặt với nhiều khó khăn hơn do phân biệt đối xử trên cơ sở giới.
- Nữ DTTS có xu hướng tham gia làm việc rất sớm. Đến 15 tuổi, rất nhiều em gái DTTS tham gia làm việc như người trưởng thành, trong khi đó phần lớn em gái nhóm Kinh còn đang đi học, song tỉ lệ nữ DTTS có việc làm luôn thấp hơn nam giới.

7 Quyết định số 862/QĐ – LĐTĐ (ngày 4/7/2018) Công bố kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2017 theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020.

Lãnh đạo, quản lý

- Tỷ lệ nữ tham gia lãnh đạo, quản lý là thấp ở tất cả các cơ quan trong hệ thống chính trị ở trung ương cũng như địa phương.
- Nữ chủ yếu đảm nhiệm vị trí cấp phó, họ ít có cơ hội nắm giữ các vị trí mang tính chiến lược, ra quyết sách và có tầm ảnh hưởng.
- Nữ lãnh đạo tập trung vào một số lĩnh vực xã hội và các tổ chức đoàn thể, trong khi nam tập trung nhiều hơn ở các lĩnh vực kinh tế, đầu tư, tài chính...
- Định kiến giới về năng lực lãnh đạo, quản lý của nữ còn nặng nề.
- Một số bất hợp lý trong chính sách gây bất lợi cho phụ nữ tham gia lãnh đạo, quản lý (ví dụ quy định về tuổi nghỉ hưu, độ tuổi đào tạo, bồi dưỡng và bổ nhiệm cán bộ...).
- Phụ nữ DTTS tham gia chính trị vẫn thấp hơn không chỉ so với nam giới mà còn so với nhóm phụ nữ Kinh.

Hộp 2: Các yếu tố tác động tiêu cực đến bình đẳng giới

- Phong tục tập quán, tư tưởng trọng nam khinh nữ, định kiến giới về vai trò, trách nhiệm và năng lực của nam và nữ;
- Nhận thức về bình đẳng giới của người dân và ở gia đình còn hạn chế, sự quan tâm của cán bộ lãnh đạo đối với bình đẳng giới còn thiếu cụ thể;
- Lồng ghép giới trong hoạch định và thực thi chính sách của các cơ quan chưa được thực hiện một cách hiệu quả;
- Bộ máy hoạt động về bình đẳng giới còn nhiều bất cập (thiếu về số lượng, năng lực cán bộ, chất lượng hoạt động...);
- Thực thi và giám sát việc thực thi chính sách về bình đẳng giới chưa sâu sát và thiếu thường xuyên.

3. CÁC KHÁI NIỆM VỀ NGÂN SÁCH VÀ CHU TRÌNH NGÂN SÁCH

Ngân sách nhà nước (NSNN)

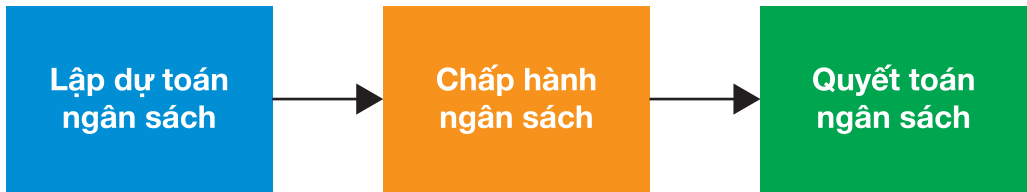
- NSNN là toàn bộ các khoản thu, chi của Nhà nước được dự toán và thực hiện trong một khoảng thời gian nhất định do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định để đảm bảo thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước.
- Thu của NSNN là các khoản thu từ các lĩnh vực kinh tế - xã hội, trong đó thu từ thuế là chủ yếu.
- Chi của NSNN là các khoản chi nhằm duy trì hoạt động của bộ máy Nhà nước và thực hiện các chức năng của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường.
- Về bản chất, NSNN là các quan hệ kinh tế giữa nhà nước với các chủ thể khác như doanh nghiệp, các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong quá trình tạo lập, phân phối và sử dụng quỹ tiền tệ tập trung lớn nhất của nhà nước.
- Mục đích của việc tạo lập, phân phối và sử dụng NSNN là đáp ứng các nhu cầu gắn với việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của nhà nước trong từng thời gian cụ thể.
- Ngân sách được xem như chiếc gương tài chính phản ánh sự lựa chọn các mục tiêu ưu tiên trong kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội từng thời kỳ. Vì vậy, cần có sự phối hợp của các cơ quan hữu quan và sự tham gia của người dân, các tổ chức dân sự, các doanh nghiệp trong xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội và ngân sách.

Hệ thống ngân sách

- Chủ thể trực tiếp quản lý NSNN là Nhà nước (Quốc hội, Chính phủ và chính quyền địa phương các cấp), thông qua các cơ quan chức năng của nhà nước (cơ quan tài chính, Kho bạc nhà nước, thuế v.v...). Ngân sách nhà nước gồm ngân sách trung ương (NSTW) và ngân sách địa phương (NSĐP). Ngân sách địa phương bao gồm ngân sách của các cấp chính quyền địa phương: tỉnh, huyện và xã.

Chu trình ngân sách

- Chu trình ngân sách gồm ba khâu: lập dự toán ngân sách, chấp hành ngân sách và quyết toán ngân sách (Hình 1).



Hình 1: Chu trình ngân sách

4. KHÁI NIỆM VỀ NGÂN SÁCH CÓ TRÁCH NHIỆM GIỚI

Ngân sách có trách nhiệm giới

- Là quá trình lập kế hoạch, phê chuẩn, thực hiện, giám sát và kiểm toán ngân sách có tính đến các mối quan tâm về giới và kết hợp phân tích giới. Cụ thể bao gồm việc phân tích tác động giới của chính sách và ngân sách và lồng ghép các vấn đề giới vào quá trình quyết định ngân sách nhằm thúc đẩy bình đẳng giới (Hình 2).
- Ngân sách có trách nhiệm giới là quá trình thực hiện một loạt các hoạt động để trả lời cho câu hỏi: Làm thế nào để ngân sách nhà nước có thể thúc đẩy bình đẳng giới? Ngân sách có trách nhiệm giới được thực hiện thông qua các công cụ khác nhau tùy theo bối cảnh và mục tiêu cụ thể.



Hình 2: Ngân sách có trách nhiệm giới

Hộp 3: Đặc điểm của ngân sách có trách nhiệm giới

- Không có nghĩa là ngân sách tách biệt dành riêng cho phụ nữ.
- Không phải là các khoản chi tiêu giống hệt nhau cho phụ nữ và nam giới (chia đều 50-50).
- Là chuyển tải nhận thức về giới vào các chính sách, đề án, ngân sách và các chương trình của các cơ quan của chính phủ để cải thiện việc phân bổ nguồn lực hướng tới bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ.
- Đảm bảo ngân sách nhà nước được chi theo cách thức có trách nhiệm giới, nghĩa là đảm bảo ngân sách đáp ứng nhu cầu của nam và nữ, dựa trên:
 - Phân tích và xác định các khoảng cách về giới;
 - Phân tích tác động giới của việc sử dụng thuế;
 - Đánh giá khoảng cách giữa chính sách và phân bổ ngân sách trong thực tế để thực hiện chính sách đó.

Ngân sách có trách nhiệm giới còn được hiểu là một công cụ chính sách có hiệu quả nhằm thực hiện các cam kết của quốc gia về bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ.

Hộp 4: Mục tiêu của việc thực hiện ngân sách có trách nhiệm giới

Lập ngân sách có trách nhiệm giới nhằm:

- **Thay đổi cơ cấu** phân bổ ngân sách và chính sách để mọi nguồn lực xã hội được sử dụng theo hướng thúc đẩy bình đẳng giới;
- **Xem xét tác động kinh tế - xã hội** của ngân sách đối với phụ nữ và nam giới để điều chỉnh việc phân bổ một cách phù hợp.

5. CĂN CỨ PHÁP LÝ VỀ VIỆC THỰC HIỆN NGÂN SÁCH CÓ TRÁCH NHIỆM GIỚI

Hộp 5: Quy định về bình đẳng giới trong Luật Ngân sách nhà nước 2015

Nguyên tắc quản lý ngân sách nhà nước

“Bảo đảm ưu tiên bố trí ngân sách để thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước trong từng thời kỳ về phát triển kinh tế; xoá đói, giảm nghèo; chính sách dân tộc; thực hiện mục tiêu bình đẳng giới; phát triển nông nghiệp, nông thôn, giáo dục, đào tạo, y tế, khoa học và công nghệ và những chính sách quan trọng khác” (Khoản 5, Điều 8)

Căn cứ lập dự toán NSNN

“Nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại, bình đẳng giới” (Khoản 1, Điều 41)

Tóm lại, Luật Ngân sách nhà nước 2015 đã nêu cụ thể:

- Thực hiện mục tiêu bình đẳng giới là một trong các nguyên tắc quản lý ngân sách nhà nước.
- Thực hiện mục tiêu bình đẳng giới là một trong các căn cứ lập dự toán ngân sách nhà nước hàng năm.

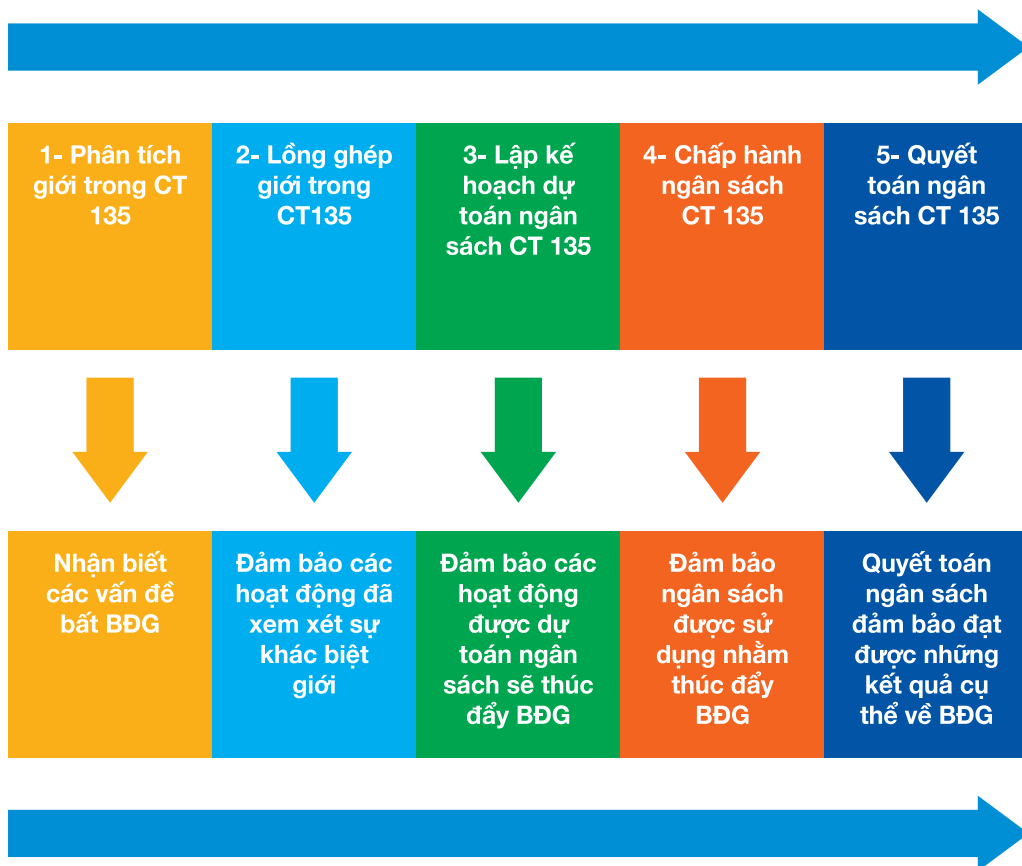
6. PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN NGÂN SÁCH CÓ TRÁCH NHIỆM GIỚI

Việc thực hiện ngân sách có trách nhiệm giới là một quá trình gồm nhiều bước với các hoạt động khác nhau. Quá trình đó bao gồm:

- (i) Phân tích giới trong CT 135 nhằm nhận biết được các vấn đề bất bình đẳng giới đang tồn tại trong các hoạt động của CT 135.
- (ii) Lồng ghép giới trong CT 135 nhằm đảm bảo các hoạt động của CT 135 đã xem xét và tính đến những khác biệt giới trong quá trình thực hiện.
- (iii) Lập kế hoạch và Dự toán ngân sách CT 135 nhằm đảm bảo các hoạt động được dự toán phân bổ ngân sách sẽ thúc đẩy bình đẳng giới. Cần dựa vào các thông tin phân tích giới và lồng ghép giới để dự toán ngân sách cho các hoạt động của chương trình.
- (iv) Chấp hành ngân sách CT 135 nhằm đảm bảo các ngân sách sử dụng đúng mục đích và thúc đẩy bình đẳng giới.
- (v) Quyết toán ngân sách CT 135 nhằm đảm bảo kết quả thực hiện ngân sách đã góp phần giảm thiểu bất bình đẳng giới.



Ảnh: UN Women Việt Nam/ Nguyễn Phương Hoàn



Hình 3: Quy trình thực hiện ngân sách có trách nhiệm giới trong Chương trình 135

Quy trình hướng dẫn thực hiện ngân sách có trách nhiệm giới trong Chương trình 135 trên đây được thể hiện cụ thể trong các phần tiếp theo của Tài liệu, với các nội dung tương ứng là:

- **Phần 2:** Phân tích giới và lồng ghép giới trong Chương trình 135
- **Phần 3:** Lồng ghép giới trong quá trình ngân sách, bao gồm: (i) Lập kế hoạch và dự toán ngân sách trong Chương trình 135, (ii) Chấp hành ngân sách trong Chương trình 135; và (iii) Quyết toán ngân sách trong Chương trình 135



PHẦN II

PHÂN TÍCH GIỚI VÀ LỒNG GHÉP GIỚI

TRONG CHƯƠNG TRÌNH 135

Ảnh: UN Women Việt Nam/Hoàng Hiệp

1. GIỚI THIỆU TỔNG QUÁT VỀ CHƯƠNG TRÌNH 135 GIAI ĐOẠN 2016-2020

Là chương trình phát triển KT-XH ở các xã đặc biệt khó khăn (ĐBKK), xã biên giới, xã an toàn khu; các thôn, bản ĐBKK thuộc vùng DTTS và miền núi, được thực hiện liên tục từ năm 1999 qua hai giai đoạn 1999-2005 và 2006-2010. Chương trình 135 là một chương trình độc lập do UBND là cơ quan chủ trì quản lý. Đến năm 2012, do chủ trương tập trung, thu gọn đầu mối chỉ đạo, Chương trình 135 trở thành một dự án thành phần thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo (MTQGGN) bền vững. Chương trình 135 giai đoạn 2016 – 2020 là dự án 2 thuộc Chương trình MTQGGN bền vững giai đoạn 2016 – 2020, được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 1722/QĐ-TTg ngày 02 tháng 9 năm 2016.

Diện đầu tư chương trình là các xã ĐBKK, xã biên giới, xã an toàn khu, thôn bản ĐBKK ở các xã khu vực II được xét theo tiêu chí quy định. Giai đoạn 2016-2020 có 2.139 xã và 3.973 thôn ĐBKK của 48 tỉnh, thành phố thuộc diện đầu tư của Chương trình 135.

1.1 Mục tiêu của Chương trình 135

Mục tiêu của Chương trình 135 góp phần thực hiện mục tiêu chung của chương trình MTQGGN, đó là: Giảm nghèo bền vững, hạn chế tái nghèo; góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội, cải thiện đời sống, tăng thu nhập của người dân, đặc biệt là ở các địa bàn nghèo, tạo điều kiện cho người nghèo, hộ nghèo tiếp cận thuận lợi các dịch vụ xã hội cơ bản theo Nghị quyết Quốc hội để ra.

Mỗi tiểu dự án của Chương trình 135 có một mục tiêu cụ thể nhằm tăng cường cơ sở hạ tầng (CSHT) thiết yếu phục vụ sản xuất và dân sinh; hỗ trợ phát triển sản xuất góp phần tăng thu nhập và nâng cao đời sống cho người dân và nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ cơ sở các xã ĐBKK, xã biên giới, xã an toàn khu; các thôn, bản ĐBKK.

Việc thực hiện chương trình này là một cơ hội lớn trong việc thúc đẩy bình đẳng giới vì các hoạt động trong quá trình thực hiện chương trình sẽ tạo điều kiện cho cả nam và nữ tham gia và được thụ hưởng từ việc tham gia đó. Giảm nghèo bền vững, tăng trưởng kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội chính là sự đảm bảo sự công bằng xã hội, trong đó có bình đẳng giới. Đồng thời, khi chương trình thực hiện bình đẳng giới càng cao thì thành quả tăng trưởng kinh tế và công tác giảm nghèo càng trở nên bền vững.



Ảnh: UN Women Việt Nam/Hồ Anh Khoa

1.2 Nội dung và nguồn lực của Chương trình 135

- Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng cho các xã ĐBKK, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản ĐBKK. Duy tu, bảo dưỡng công trình CSHT trên địa bàn. Đối tượng: các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu; các thôn, bản đặc biệt khó khăn
- Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo các xã ĐBKK, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản ĐBKK. Đối tượng: (i) Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, ưu tiên hộ nghèo DTTS và phụ nữ thuộc hộ nghèo; (ii) Nhóm hộ, cộng đồng dân cư trên địa bàn; (iii) Tổ chức và cá nhân có liên quan.
- Tiểu dự án 3: Nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ cơ sở các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu; thôn bản đặc biệt khó khăn. Đối tượng: Cộng đồng, cán bộ cơ sở các xã ĐBKK, xã biên giới, xã an toàn khu; các thôn, bản ĐBKK
- Tổng kinh phí được phê duyệt 20.651 tỷ, trong đó NSTW: 19.226 tỷ, NSDP 666 tỷ và nguồn huy động khác 760 tỷ.

1.3 Một số điểm mới của Chương trình 135 giai đoạn 2016-2020

- Khác với các giai đoạn trước, chuẩn nghèo được áp dụng theo tiêu chí nghèo đa chiều để xác định tỷ lệ hộ nghèo⁸ và là tiêu chí chủ yếu xác định các xã ĐBKK vào diện đầu tư chương trình. Chuẩn nghèo đa chiều gồm 10 chỉ tiêu về dịch vụ xã hội, trong đó nhiều chỉ tiêu liên quan đến các dịch vụ có tác động trực tiếp đến cuộc sống của phụ nữ nghèo như y tế, giáo dục, nước sinh hoạt, nhà vệ sinh... Đây chính là cơ hội lớn để cải thiện và nâng cao đời sống của cộng đồng nghèo, trong đó có phụ nữ.

8 Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Cụ thể là: 1) Các tiêu chí về thu nhập: a) Chuẩn nghèo: 700.000 đồng/người/tháng ở khu vực nông thôn và 900.000 đồng/người/tháng ở khu vực thành thị; b) Chuẩn cận nghèo: 1.000.000 đồng/người/tháng ở khu vực nông thôn và 1.300.000 đồng/người/tháng ở khu vực thành thị. 2) Tiêu chí mức độ thiếu hụt tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản: a) Các dịch vụ xã hội cơ bản (y tế; giáo dục; nhà ở; nước sạch và vệ sinh; thông tin); b) Các chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản (10 chỉ số): tiếp cận các dịch vụ y tế; bảo hiểm y tế; trình độ giáo dục của người lớn; tình trạng đi học của trẻ em; chất lượng nhà ở; diện tích nhà ở bình quân đầu người; nguồn nước sinh hoạt; hố xí/nhà tiêu hợp vệ sinh; sử dụng dịch vụ viễn thông; tài sản phục vụ tiếp cận thông tin.

- Ngoài 2 nội dung đầu tư hỗ trợ cơ sở hạ tầng và hỗ trợ phát triển sản xuất, Chương trình 135 giai đoạn 2016-2020 có thêm nội dung Nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ cơ sở các xã ĐBKK, xã biên giới, xã an toàn khu; thôn bản ĐBKK.. Với tiểu dự án này, phụ nữ có cơ hội tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng, kiến thức để tham gia các hoạt động chương trình một cách thực chất và hiệu quả hơn.
- Việc phân bổ vốn cho các địa phương cũng không chia đều bình quân như các giai đoạn trước, mà phụ thuộc điều kiện cụ thể từng địa phương⁹. Địa phương khó khăn hơn được cấp nhiều vốn hơn - đây là một nguyên tắc công bằng trong thực hiện chương trình.
- Theo Luật Đầu tư công, quyết định chủ trương đầu tư và kế hoạch vốn của Chương trình MTQGGN giai đoạn 2016-2020 do Quốc hội phê duyệt. Chính phủ giao kế hoạch vốn trung hạn cả giai đoạn cho địa phương, nên các địa phương biết trước kế hoạch vốn, chủ động xây dựng kế hoạch. Đây là lần đầu tiên Việt Nam có Luật đầu tư công, tuy còn những bất cập nhất định song về cơ bản Luật đã tạo ra sự công khai, minh bạch nguồn vốn trong cả giai đoạn. Người đứng đầu các địa phương khi quyết định đầu tư phải đảm bảo có nguồn vốn thực hiện, khắc phục tình trạng dàn trải vốn ra nhiều công trình, đẩy nhanh tiến độ sớm đưa công trình dự án vào sử dụng phát huy hiệu quả, phục vụ nhu cầu của cộng đồng và hạn chế tình trạng nợ đọng vốn xây dựng.
- Đẩy mạnh phân cấp cho cấp xã làm chủ đầu tư các công trình hạ tầng và dự án sản xuất trên địa bàn xã cùng với ban hành các văn bản pháp quy về quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các CTMTQG giai đoạn 2016-2020¹⁰ đã tạo điều kiện cho cấp xã và cộng đồng tự thực hiện các hoạt động chương trình. Đây là điều kiện thuận lợi thực hiện BĐG vì cấp xã là cấp chính quyền địa phương, có mục tiêu, chỉ tiêu về phát triển kinh tế xã

9 Nguyên tắc và tiêu chí phân bổ vốn theo QĐ 48/2016/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

10 Nghị định 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 quy định cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020

hội trong đó có mục tiêu về BĐG. Khi tổ chức thực hiện, xã sử dụng các tổ chức của mình, trong đó có Hội Phụ nữ, đặc biệt là quy định về sự tham gia của cộng đồng, của phụ nữ vào hầu hết các hoạt động chương trình. Các yêu cầu này được quy định cụ thể trong các thông tư hướng dẫn thực hiện, báo cáo giám sát chương trình¹¹. Các ban quản lý dự án của huyện làm chủ đầu tư là tổ chức chuyên môn thuần túy thường không hoặc ít quan tâm đến chỉ tiêu về xã hội của các xã..

So với giai đoạn trước, Dự án hỗ trợ sản xuất có thêm nội dung hỗ trợ nhân rộng mô hình giảm nghèo. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (LĐ-TB-XH) tham gia chủ trì, chỉ đạo tổ chức thực hiện hoạt động nhân rộng mô hình giảm nghèo (Giai đoạn trước theo QĐ 551/QĐ-TTg, dự án hỗ trợ sản xuất do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NN & PTNT) chủ trì. Với sự chuyên sâu trong công tác quản lý nhân rộng mô hình giảm nghèo trên toàn quốc, nhất là nhiều mô hình giảm nghèo cho phụ nữ có hiệu quả, Bộ LĐ-TB-XH chỉ đạo các cơ quan chuyên môn trực thuộc ở địa phương hướng dẫn làm đa dạng hóa, tăng hiệu quả các hoạt động sinh kế, giảm nghèo.

2. PHÂN TÍCH GIỚI TRONG CHƯƠNG TRÌNH 135

2.1 Mục đích của phân tích giới

Mục đích của phân tích giới là xác định được các vấn đề giới hay bất bình đẳng giới đang tồn tại trong các lĩnh vực liên quan đến Chương trình 135 và chỉ ra nguyên nhân, các yếu tố ảnh hưởng đến sự khác biệt giới đó.

2.2 Tại sao cần phân tích giới

- Phân tích giới cung cấp thông tin và những dữ liệu về thực trạng, mối quan tâm và nhu cầu của nam và nữ trong các lĩnh vực. Phân tích giới cần chỉ ra sự khác biệt giới, ví dụ nhu cầu trong phát triển sản xuất, nhu cầu nâng cao năng lực của nam và nữ có gì khác nhau? Đây chính là cơ sở quan trọng cho quá trình lập kế hoạch thực hiện các hoạt động của Chương trình 135.

11 Các Thông tư hướng dẫn 39/2016/TT-BLĐTBXH báo cáo giám sát đánh giá, Thông tư 18/2017/TT-BN-NPTNT dự án sản xuất, TT 01/2016/TT-UBND hướng dẫn thực hiện

- Các hoạt động can thiệp của Chương trình 135 chỉ có thể hiệu quả nếu Chương trình giải quyết đúng các vấn đề phát triển dựa vào nhu cầu của nữ, nam và các nhóm thiệt thòi nhất (nhóm DTTS, nhóm nghèo nhất, nhóm có trình độ phát triển thấp nhất, người khuyết tật, nhóm di cư...).
- Phân tích giới còn xem xét các tác động khác nhau (cả tích cực và tiêu cực) của Chương trình 135 đến nữ, nam và các nhóm xã hội khác nhau.

2.3 Nội dung chính của phân tích giới

Một là, tìm hiểu về phân công lao động theo giới

- Phân tích nội dung “Phân công lao động theo giới” cần trả lời cho câu hỏi: Ai (nam, nữ) làm gì/thực hiện công việc gì? Sự khác biệt giới trong phân công lao động là gì?
- Có bốn loại công việc được đề cập khi phân tích về phân công lao động giữa nữ và nam: (i) Công việc gia đình; (ii) Công việc sản xuất; (iii) Công việc cộng đồng và (iv) Công việc chính trị.
- Mức độ tham gia của nam và nữ vào các công việc này phản ánh sự phân công lao động xã hội theo giới trong bối cảnh cụ thể.
- Bản chất của các công việc mà nữ và nam tham gia phản ánh vị trí của họ trong gia đình, tổ chức, cộng đồng và xã hội.
- Qua công việc đó cũng có thể nhận biết được cơ hội phát triển của mỗi cá nhân và vị thế xã hội của họ.



Ảnh: UN Women Việt Nam/Vũ Ngọc Dung

Hộp 6: Phân công lao động trong quá trình thực hiện CT 135 - những điểm cần lưu ý

- Công việc chăm sóc không được trả công (bao gồm các công việc nội trợ, chăm sóc con cái, người ốm...) ảnh hưởng đến sự tham gia của nữ giới vào CT 135 như thế nào? Giải pháp nào cho vấn đề này?
- Nữ giới có được tham gia bình đẳng vào các công việc mang lại thu nhập (thi công, xây dựng CSHT)? Vì sao? Làm thế nào để cải thiện?
- Nữ giới có được khuyến khích tham gia vào những công việc mới (đòi hỏi kỹ thuật, có kỹ năng...)? Vì sao? Làm thế nào để cải thiện?

Hai là, phân tích mức độ tiếp cận và kiểm soát nguồn lực và lợi ích

- Tiếp cận là nói đến khả năng sử dụng nguồn lực và thực tế sử dụng nguồn lực để hoàn thành công việc. Trong khi đó, kiểm soát là quyền được ra quyết định và quản lý việc sử dụng nguồn lực.
- Khả năng tiếp cận và kiểm soát nguồn lực có ý nghĩa quan trọng đối với người thực hiện công việc, vì có tiếp cận nguồn lực mới đảm bảo tính hiệu quả, năng suất lao động và lợi ích mà công việc đem lại.

Hộp 7: Nguồn lực từ Chương trình 135

- Thông tin, đào tạo, tập huấn,
- Nguồn lực hỗ trợ sản xuất (con giống, cây giống, vốn, công cụ sản xuất, thuốc bảo vệ thực vật, thú y.....)
- Công trình CSHT
- Tham gia vào quá trình lập kế hoạch...

Phân tích giới cần trả lời các câu hỏi:

- Ai (nam, nữ) có nguồn lực nào từ CT 135?
- Ai (nam, nữ) tiếp cận và kiểm soát nguồn lực và lợi ích mà CT 135 đem lại? Sự khác biệt giới trong tiếp cận và kiểm soát các nguồn lực và lợi ích này là gì?
- Thực tế cho thấy, nam và nữ thường có mức độ khác nhau về tiếp cận, kiểm soát nguồn lực và lợi ích. Ví dụ phụ nữ nghèo, DTTS thường ít có điều kiện tham gia đào tạo, tập huấn, hội họp... do bận công việc gia đình, do ngôn ngữ có thể là rào cản....
- CT 135 là một loại nguồn lực quan trọng, do vậy sự tham gia, tiếp cận và hưởng lợi bình đẳng giữa phụ nữ và nam giới từ chương trình này có ý nghĩa quan trọng đảm bảo sự phát triển của cộng đồng nói chung cũng như cải thiện cuộc sống của nam, nữ trên cơ sở đáp ứng các nhu cầu của họ.

Ba là, phân tích mức độ tham gia vào quá trình ra quyết định

Hộp 8: Sự tham gia vào quá trình ra quyết định đầu tư của CT 135

Phân tích sự tham gia của các nhóm phụ nữ và nam giới vào quá trình ra quyết định giúp trả lời một loạt các câu hỏi sau đây:

- Quyết định đó tác động đến cuộc sống của nhóm đối tượng nào? nam hay nữ của nhóm DTTS nào?
- Ai chịu tác động nhiều nhất của quyết định đó? nam hay nữ và của nhóm DTTS nào?
- Những ai được tham gia vào quá trình ra quyết định? Ai là người ra quyết định ?
- Ai có tiếng nói quyết định cuối cùng ?

Nam, nữ nghèo, người DTTS...được tham gia vào các cuộc họp, thảo luận về quyết định đầu tư.

- Tiếng nói của họ

- Mức độ tham gia của nữ, nam và các nhóm xã hội vào quá trình ra quyết định có thể khác nhau tùy thuộc vào bối cảnh, điều kiện và hoàn cảnh cụ thể của quá trình ra quyết định. Tuy nhiên, nhìn chung vì nhiều lý do mà nữ giới ít được tham gia vào quá trình ra quyết định hơn so với nam giới. Ví dụ, nữ ít nắm giữ các vị trí lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan và tại cộng đồng; thói quen về sự đại diện và tiếng nói của chủ hộ cũng là rào cản đối với sự tham gia của nữ giới trong quá trình ra quyết định, vì đa số chủ hộ là nam giới...
- Sự đa dạng về các nhóm thụ hưởng CT 135 (nhóm nam, nữ nghèo nhất, cận nghèo, các nhóm DTTS có điều kiện kinh tế-xã hội, trình độ và đặc điểm văn hóa, nhân khẩu học khác nhau...) là một thực tế cần phải được tính đến để đảm bảo rằng quyết định đó đáp ứng nhu cầu và mong đợi của các nhóm xã hội đa dạng một cách tốt nhất.

Bốn là, phân tích nhu cầu giới và các yếu tố ảnh hưởng

- Thực hiện phân tích giới trên ba góc độ nêu trên (phân công lao động, tiếp cận, kiểm soát nguồn và lợi ích và tham gia vào quá trình ra quyết định) sẽ cho thấy khoảng cách giới hay bất bình đẳng giới đang tồn tại trong các lĩnh vực liên quan đến Chương trình 135. Trên cơ sở đó, tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến sự khác biệt giới và nhu cầu cụ thể của mỗi giới liên quan đến các hoạt động của Chương trình 135.

Cụ thể, cần trả lời những câu hỏi sau đây:

- Những thuận lợi và khó khăn/thách thức của nữ và nam trong quá trình tham gia vào các hoạt động của Chương trình 135 là gì? Nguyên nhân là gì?
- Xác định nhóm đối tượng cụ thể nào (ví dụ nữ/nam thuộc nhóm hộ nghèo, hộ nghèo nhất, nhóm DTTS nào...) bị tác động nhiều nhất trong quá trình thực hiện các hoạt động của Chương trình 135 và cần được ưu tiên nhất?
- Xác định được nhu cầu cụ thể của mỗi nhóm đối tượng nêu trên trong quá trình xây dựng và triển khai các hoạt động của Chương trình 135.

3. LỒNG GHÉP GIỚI VÀO MỘT SỐ LĨNH VỰC CỦA CHƯƠNG TRÌNH 135

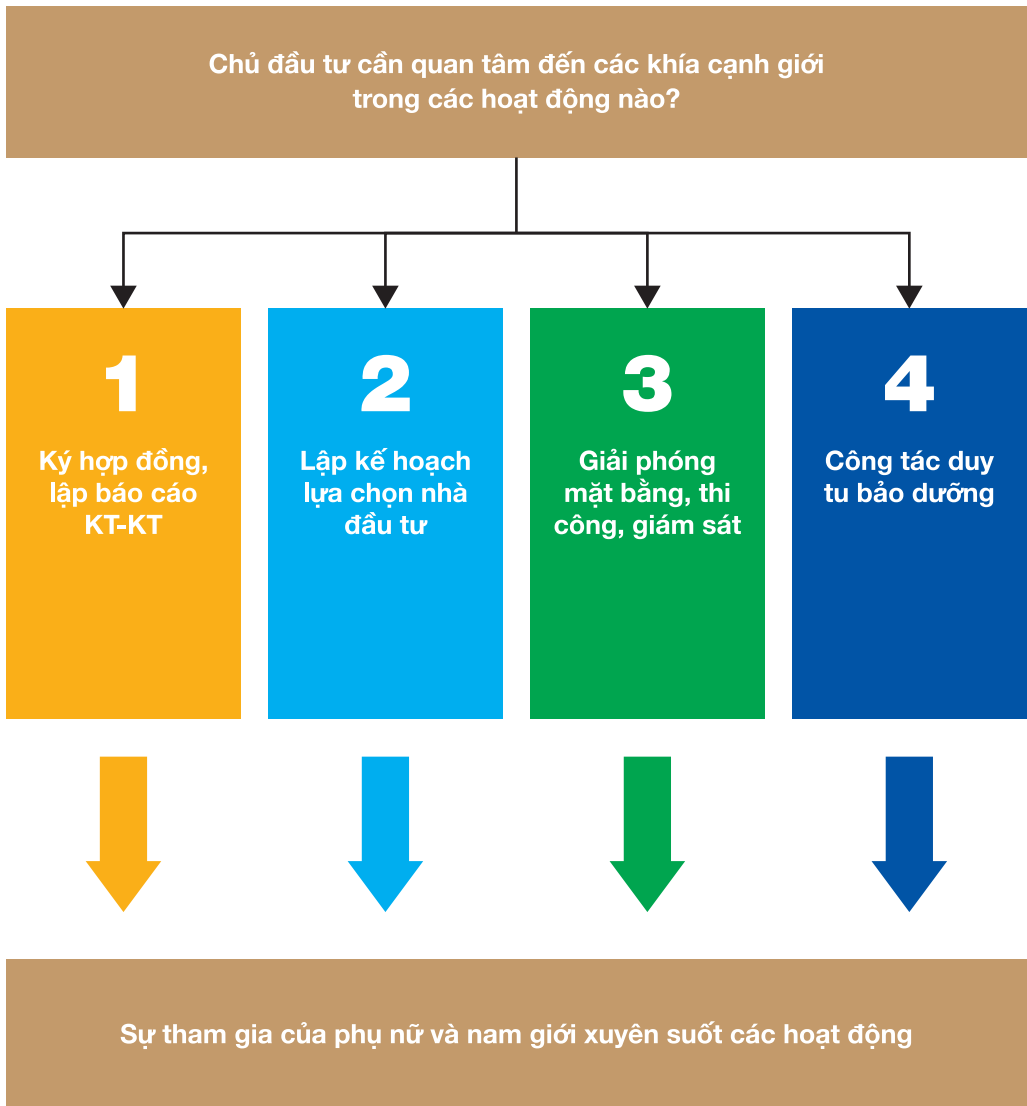
3.1 Lồng ghép giới trong lĩnh vực đầu tư cơ sở hạ tầng

Khi đã xác định chủ đầu tư (huyện hoặc xã) thì chủ đầu tư tổ chức thực hiện một dự án đầu tư xây dựng (đối với công trình quy mô nhỏ ở xã) theo trình tự quy định¹² như sau:

- Giai đoạn chuẩn bị dự án gồm các công việc: Tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng để xem xét, quyết định đầu tư xây dựng và thực hiện các công việc cần thiết khác liên quan đến chuẩn bị dự án;
- Giai đoạn thực hiện dự án gồm các công việc: Giải phóng mặt bằng, giao đất; tổ chức lựa chọn nhà thầu và ký kết hợp đồng thi công xây dựng công trình; giám sát thi công xây dựng; tạm ứng, thanh toán khối lượng hoàn thành; nghiệm thu công trình xây dựng hoàn thành; bàn giao công trình hoàn thành đưa vào sử dụng; vận hành, chạy thử và thực hiện các công việc cần thiết khác;
- Giai đoạn kết thúc xây dựng đưa công trình của dự án vào khai thác sử dụng gồm các công việc: Quyết toán hợp đồng xây dựng, bảo hành công trình xây dựng.

Để thực hiện từng giai đoạn trên bao gồm nhiều hoạt động cụ thể. Tuy nhiên, từ góc độ về giới, sơ đồ sau đây khái quát các nhiệm vụ mà chủ đầu tư cần đặc biệt quan tâm để lồng ghép các khía cạnh về giới

12 Điều 6 ND 59/2015/ND-CP



Hình 4: Vai trò của chủ đầu tư trong việc thực hiện lồng ghép giới

Chủ đầu tư có vai trò quan trọng trong việc thực hiện lồng ghép giới vào 4 nhóm hoạt động: (i) Hợp đồng, lập báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật (KT-KT); (ii) Lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu; (iii) Giải phóng mặt bằng, thi công, giám sát và (iv) Công tác duy tu bảo dưỡng.

Dưới đây là hướng dẫn thực hiện lồng ghép giới vào các hoạt động này.

3.1.1 Ký hợp đồng, lập báo cáo kinh tế-kỹ thuật

Chủ đầu tư cần đưa ra yêu cầu trong hồ sơ yêu cầu đối với tư vấn lập báo cáo KT-KT về mục tiêu giới, cụ thể là:

- Địa điểm xây dựng, tuyến công trình phải tham vấn ý kiến cộng đồng, nam, nữ, dân tộc, công trình giảm thiểu tối đa mất đất và đền bù, nếu có thì ảnh hưởng đến nhóm đối tượng nào?
- Đánh giá tác động môi trường: Giảm thiểu tác động môi trường sinh thái đến dân cư, trong đó có nhóm phụ nữ.
- Có phương án, giải pháp thi công hợp lý, sử dụng được nhiều nhất vật liệu tại chỗ và sử dụng nhân công nam, nữ địa phương một cách công bằng bao gồm cả việc trả lương công bằng cho người lao động nữ và nam.
- Lập dự toán chi phí xây dựng phải cụ thể, ví dụ các khoản đóng góp vật liệu, nhân công của dân (nếu có), danh mục nội dung công việc, đơn giá chi trả cho người dân tham gia lao động phải rõ ràng, tách biệt theo giới tính, đảm bảo huy động được sự tham gia của cả nam, nữ trong các công việc đem lại thu nhập.



Ảnh: UN Women Việt Nam/Hoàng Hiệp

Hộp 9: Thuyết minh báo cáo kinh tế-kỹ thuật công trình cấp nước sạch

“Việc xây dựng mới công trình sẽ tạo thêm công ăn việc làm trực tiếp và gián tiếp cho nhân dân địa phương. Một số lượng khá lớn nhân công sẽ được huy động tham gia xây dựng công trình. Một số dịch vụ cung cấp nguyên, nhiên liệu, sửa chữa máy móc, ăn uống... sẽ được mở mang phát triển.

Tuy nhiên trong quá trình xây dựng và vận hành dự án sẽ không thể tránh khỏi một số tác động tiêu cực đến môi trường kinh tế xã hội của các địa phương có tuyến đường ống đi qua. Cụ thể: nó làm xáo trộn trên quy mô nhỏ về đất đai, ngành nghề, một số hộ gia đình bị xáo trộn về đời sống kinh tế, một số hộ sẽ bỏ kinh tế nông lâm nghiệp chuyển sang làm dịch vụ. Sẽ có sự gia tăng dân số cơ học do việc di dân đến và tái định cư, tạo nên sự không ổn định tạm thời trong một thời gian nhất định. Sức khỏe của nhân dân có thể bị ảnh hưởng do tác động của ô nhiễm bụi, tiếng ồn, ô nhiễm nguồn nước sinh hoạt và có khả năng chịu ảnh hưởng của các sự cố giao thông có thể phát sinh trong quá trình vận hành công trình.” (Trích từ Đánh giá tác động môi trường trong Báo cáo KT-KT về Công trình nước sạch tại 1 xã của Tỉnh N).

Các vấn đề về giới cần làm rõ trong Báo cáo trên là gì?

- Xác định nhóm đối tượng bị tác động trực tiếp, nhóm nam và nữ? Ví dụ, việc thu hồi đất tác động tới các nhóm dân cư, các hộ nghèo nhất là nữ DTTS như thế nào? (sinh kế, việc làm, thu nhập). Các thông tin này cần tách biệt theo giới tính
- Cần làm rõ diện tích đất đầu tư công trình: Phần đất công, phần đất của các hộ đóng góp. Phần đất các hộ đóng góp có thể ảnh hưởng đến sinh kế của nam hay nữ?
- Xây dựng công trình nước sạch có thu hút lao động địa phương không? Tạo ra bao nhiêu việc làm cho nam và nữ? Lương trả cho nam và nữ như thế nào?
- Lợi ích mà công trình nước đem lại: Giải quyết việc làm, chuyển đổi ngành nghề cho các hộ mất đất như thế nào, nhất là đối với nữ, tăng thu nhập...?
- Việc lựa chọn hình thức hay thiết kế công trình nước (ví dụ giếng khoan hay hệ thống nước tự chảy, vị trí đặt bể nước...) có tham vấn ý kiến của người dân không, nhất là đối với nữ - những người thường đảm nhận việc lấy nước? Có tham vấn với các nhóm trong cộng đồng về phí dịch vụ nước (nếu có) hay không?

3.1.2 Lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu

Trên cơ sở quy định hiện hành, các chủ đầu tư cần áp dụng hình thức giao cộng đồng thực hiện các công trình¹³ (chỉ thuê doanh nghiệp đối với công trình phức tạp, cộng đồng không làm được) nhằm phát huy tối đa sự tham gia của cộng đồng. Hiện nay các công trình quy mô nhỏ ở cấp thôn/xã như đường thôn xóm, kênh mương, lớp học cắm bản ...thì cộng đồng hoàn toàn có thể thực hiện tốt vì không đòi hỏi yêu cầu cao về kỹ thuật.

Việc lựa chọn cộng đồng nhận thầu thi công xây dựng là cơ hội tốt để thực hiện lồng ghép giới vì:

- Khi cộng đồng tham gia thực hiện: Công khai thông tin và minh bạch trong lựa chọn tổ nhóm thi công, tạo điều kiện tham gia bình đẳng của cả nam và nữ. Công trình vừa đảm bảo chất lượng, vừa có chi phí hợp lý, giảm rẻ.
- Cộng đồng tham gia có thể huy động sử dụng lao động và vật liệu địa phương (nếu có trong dự toán): công khai số đóng góp và phân công tham gia lao động, thu hút lao động nữ, tổ nhóm phụ nữ tham gia.
- Thành lập Ban giám sát cộng đồng đảm bảo có tiêu chí về sự tham gia cả nam và nữ tùy theo điều kiện cụ thể.



Ảnh: UN Women Việt Nam/Hoàng Hiệp

13 Theo nghị định 161/2016/NĐ-CP và ND 120/2018/NĐ-CP

3.1.3 Giải phóng mặt bằng, thi công và giám sát công trình

- Việc giải phóng mặt bằng cần xem xét những tác động đến sinh kế, việc làm của nam và nữ. Trong những trường hợp cần đền bù, cần tham vấn ý kiến của cả nam, nữ; cả vợ và chồng trong gia đình để có hình thức chi trả hợp lý, đảm bảo sự bình đẳng trong tiếp cận và sử dụng tiền đền bù.
- Việc tham gia vào các hoạt động thi công công trình là cơ hội tạo việc làm cho người dân địa phương. Vì vậy, các chủ đầu tư cần có cơ chế sử dụng lao động địa phương tham gia vào xây dựng các công trình, khuyến khích sự tham gia của cả nam và nữ (lao động được hưởng đơn giá trực tiếp, hợp lý, minh bạch từ dự toán, không phải làm thuê cho chủ thầu theo giá thỏa thuận tùy tiện).
- Thu hút sự tham gia của nữ giới vào các công việc liên quan đến thi công công trình không chỉ giúp họ tạo thu nhập mà còn làm thay đổi định kiến giới và chuẩn mực xã hội về năng lực của họ trong công việc được coi là “lĩnh vực của nam giới” từ trước đến nay.
- Đảm bảo có sự tham gia của nữ giới trong công tác giám sát thi công, tham gia Ban giám sát đầu tư cộng đồng.
- Tìm hiểu các yếu tố rủi ro xã hội với nữ, trẻ em gái khi thi công công trình (lao động từ bên ngoài về địa phương và vấn đề xã hội có thể xảy ra, ví dụ có thể có các hành vi liên quan đến quấy rối, lạm dụng tình dục, lây nhiễm HIV/AIDS...)

Hộp 10: Chủ thầu xây dựng cần đảm bảo công bằng giới trong tuyển dụng

- Thông tin đấu thầu, tuyển dụng cần được công khai đảm bảo thông tin đến với mọi người dân, nam và nữ
- Xác định tỷ lệ nữ được tuyển dụng
- Trả lương lao động công bằng cho lao động nữ
- Đảm bảo nữ được tham gia đào tạo, hướng dẫn trong quá trình thực thi.



Ảnh: Ủy ban Dân tộc

3.1.4 Công tác duy tu, bảo dưỡng công trình cơ sở hạ tầng

- Thông tin rộng rãi về việc làm đến các cộng đồng, đảm bảo những nhóm yếu thế (nữ thuộc hộ nghèo, không biết chữ, các nhóm dân tộc khác nhau) đều tiếp cận được với thông tin.
- Thúc đẩy và có cơ chế đảm bảo sự tham gia của nam và nữ vào cơ chế xác định giá dịch vụ do lợi ích công trình hạ tầng đem lại (thủ lợi phí, giá nước sinh hoạt...)
- Thành lập các nhóm bảo dưỡng có sự tham gia của nữ.
- Tập huấn/ hỗ trợ kỹ thuật cho các nhóm bảo dưỡng, khuyến khích nữ tham gia.
- Xây dựng quy chế và kế hoạch hoạt động của nhóm, đảm bảo quy chế và hoạt động thuận lợi cho cả nữ và nam.
- Trả lương công bằng cho nữ.

Hộp 11 : Phụ nữ DTTS tham gia mô hình vận hành, bảo trì công trình CSHT (Chương trình 135)

Trung tâm Nghiên cứu Sáng kiến Phát triển Cộng đồng (RIC) thực hiện Dự án thí điểm vận hành, bảo trì và xây dựng CSHT dựa vào cộng đồng với sự tài trợ Cơ quan Viện trợ Ai-len (Irish Aid) từ tháng 12/2013 – 12/2017 tại 3 xã thuộc 3 huyện của Hòa Bình (Kỳ Sơn, Kim Bôi, Lạc Sơn). Dự án đã thu hút phụ nữ DTTS tham gia mô hình vận hành, bảo trì và xây dựng công trình CSHT dựa vào cộng đồng trong CT 135.

Kết quả cụ thể như sau:

- 58% (607) phụ nữ tại các xóm dự án tham gia các cuộc họp lựa chọn ưu tiên, bầu chọn thành viên nhóm cộng đồng, thẩm định kế hoạch và ngân sách bảo trì công trình.
- 40% (233) thành viên của 69 nhóm cộng đồng là phụ nữ được nâng cao năng lực về quản lý cộng đồng, giới và dự án phát triển, giám sát, kỹ năng thúc đẩy và đối thoại, kỹ thuật vận hành bảo trì và duy tu bảo dưỡng các công trình CSHT.
- 40% thành viên của các nhóm cộng đồng chịu trách nhiệm xây dựng công trình cơ sở hạ tầng là phụ nữ.
- 28% (13) thành viên của mạng lưới thúc đẩy viên cộng đồng là phụ nữ. Họ có thể tổ chức và điều hành các cuộc họp xóm, huy động sự tham gia của cộng đồng vào các hoạt động bảo trì, xây dựng công trình, chia sẻ kinh nghiệm.
- 28% (12/43) thành viên Ban Giám sát đầu tư cộng đồng tại 03 xã dự án là nữ.
- 13% trưởng nhóm cộng đồng xây dựng công trình cơ sở hạ tầng là phụ nữ.

(Nguồn: Bài trình bày Cải thiện vị thế của phụ nữ DTTS trong cộng đồng thông qua mô hình vận hành, bảo trì và xây dựng công trình CSHT dựa vào cộng đồng trong CT 135 - Trung tâm RIC, tại Hội thảo về Ngân sách có trách nhiệm giới do UN Women và UBND tổ chức vào tháng 7/2018)



LƯU Ý:

Chủ đầu tư cần thu hút sự tham gia của nam và nữ thuộc thành phần dân tộc khác nhau vào 4 nhóm hoạt động nêu trên (Ký hợp đồng, lập báo cáo KT- KT, Lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu; Giải phóng mặt bằng, thi công, giám sát và công tác duy tu bảo dưỡng). Sự tham gia cần được thể hiện xuyên suốt, từ giai đoạn đánh giá thực trạng, khảo sát nhu cầu và lựa chọn công trình, quá trình thiết kế, xây dựng và duy tu, bảo dưỡng, giám sát các công trình CSHT.

Tuy nhiên, thực tế cho thấy, phụ nữ phải đối mặt với nhiều rào cản trong quá trình tham gia và các hoạt động liên quan đến CSHT, vì quan niệm phổ biến của cộng đồng, xã hội, trong đó có thể có cả chủ thầu và chủ đầu tư cho rằng:

- Nữ giới không am hiểu về kỹ thuật, công trình xây dựng
- Nữ giới không phù hợp để làm các công việc nặng nhọc
- Nữ giới bận công việc gia đình nên khó tham gia có hiệu quả
- Nữ giới không tự tin tham gia các hoạt động về cơ sở hạ tầng

Những quan niệm mang tính khuôn mẫu giới trên đây cần thay đổi vì thực tế cho thấy:

- Nữ giới là người hưởng lợi của các công trình CSHT, vì vậy họ có trải nghiệm riêng về những lợi ích mà công trình đem lại, trải nghiệm về những bất cập trong quá trình sử dụng, tiếp cận các công trình xây dựng.
- Không phải mọi khâu của quá trình khảo sát, thiết kế và thi công đều đòi hỏi có trình độ và am hiểu sâu về kỹ thuật. Vì vậy, có thể thu hút sự tham gia của người dân, trong đó có cả nam và nữ. Nữ và nam đều có thể học để hiểu biết về các vấn đề kỹ thuật.
- Nữ giới có thể tham gia các công việc liên quan đến thi công công trình xây dựng. Hơn nữa ngay cả đối với các công việc nặng nhọc nhưng được trả công, khi phụ nữ sẵn sàng tham gia để có thu nhập cải thiện cuộc sống thì cần tạo việc làm cho họ.

Hộp 12: Các vấn đề cần làm rõ để đảm bảo sự tham gia đầy đủ của nữ

- **Cần đảm bảo một tỷ lệ tương xứng:** Tỷ lệ nam, nữ tham gia vào các cuộc họp của cộng đồng để lấy ý kiến của người dân là bao nhiêu?
- **Cần tách biệt ý kiến của nam và nữ:** Mức độ tham gia, tiếng nói của nam, nữ thuộc các DTTS khác nhau có như nhau hay không? Kết quả tiếp thu ý kiến của nam và nữ được thể hiện như thế nào? Có gì khác biệt?
- **Cần đưa ra các biện pháp khắc phục:** Xác định những rào cản, khó khăn đối với sự tham gia của nữ và nam thuộc các DTTS khác nhau?
- **Cần có giải pháp cụ thể:** Các hình thức tổ chức cuộc họp như thế nào để đảm bảo thu hút được sự tham gia của nữ, nam nhất là nữ một cách đồng nhất?

3.2. Lồng ghép giới trong hỗ trợ phát triển sản xuất và đa dạng hóa sinh kế

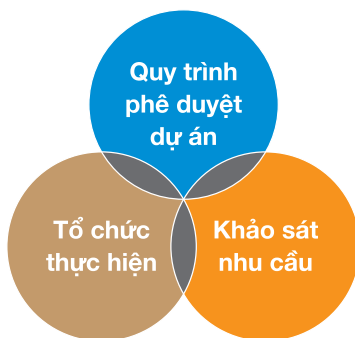
Theo quy định tại Thông tư hướng dẫn số 18/2017/TT-BNNPTNT, UBND cấp xã là cấp chủ trì đề xuất các hoạt động và xây dựng dự án hỗ trợ phát triển sản xuất (PTSX). Hiện nay, mô hình tổ chức thực hiện dự án hỗ trợ sản xuất ở các địa phương khá đa dạng¹⁴. Mặc dù hướng dẫn của trung ương là phân cấp giao xã làm chủ đầu tư, tuy nhiên, trên thực tế các tỉnh có cách làm khác nhau bên cạnh xã làm chủ đầu tư, còn có các chủ đầu tư khác (phòng/ ban huyện, trung tâm dịch vụ khuyến nông...) cùng tham gia trên địa bàn liên xã hoặc một xã, tùy theo nội dung các hoạt động, song về cơ bản vẫn là cấp xã chủ đầu tư.

UBND xã là tổ chức chịu trách nhiệm chính về dự án hỗ trợ sản xuất vì xã là cấp lập kế hoạch, trình duyệt và giám sát hoạt động, mặc dù có thể có các phòng ban hoặc tổ chức khác làm chủ đầu tư một số dự án trên địa bàn xã.

Để thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, lồng ghép giới cần được tiến hành trong các hoạt động sau đây

- Quy trình xây dựng và thủ tục phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất (PTSX)
- Khảo sát nhu cầu của các hộ nghèo, cận nghèo
- Tổ chức thực hiện các dự án hỗ trợ PTSX

14 Ngoài các địa phương, Bộ NNPTNT có giao vốn cho một số cơ quan ở TW tham gia thực hiện với số vốn nhỏ



Dưới đây là hướng dẫn chi tiết về lồng ghép giới trong các hoạt động nêu trên

3.2.1 Quy trình xây dựng và thủ tục phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất

Tóm tắt Quy trình xây dựng Dự án hỗ trợ SX, đa dạng hóa sinh kế ở cấp xã¹⁵

- (i) Thông báo vốn: Vào đầu kỳ kế hoạch, tỉnh dự kiến phân bổ nguồn vốn cho huyện; UBND huyện cung cấp thông tin định hướng, dự kiến phân bổ vốn cho UBND xã.
- (ii) Xây dựng dự án: UBND xã chủ trì xây dựng dự án theo 4 bước sau: a) Bước 1: Tuyên truyền, phổ biến dự án; b) Bước 2: Tổ chức họp lấy ý kiến về nội dung dự án và lập danh sách tham gia dự án; c) Bước 3: Xây dựng dự án hỗ trợ PTSX; d) Bước 4: Phê duyệt dự án.
- (iii) Tổ chức thực hiện dự án
 - a). Thông báo các nội dung của dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt đến hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, doanh nghiệp, hợp tác xã và các đối tượng khác có liên quan được tham gia dự án;
 - b). Triển khai thực hiện các nội dung hoạt động của dự án;
 - c). Phân công cán bộ kỹ thuật hướng dẫn;
 - d). Tổng hợp, đánh giá và báo cáo kết quả thực về UBND huyện.

15 Quy trình xây dựng và thủ tục phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất được quy định trong thông tư số 18 ban hành ngày 9/10/2017 của Bộ NN và PTNT



Ảnh: UN Women Việt Nam/Dzung Vu

Hộp 13: Những vấn đề giới cần quan tâm trong quy trình phê duyệt dự án hỗ trợ PTSX

(Dành cho UBND xã làm hồ sơ và UBND huyện/Phòng NN&PTNT phê duyệt hồ sơ)

1. Đối tượng hưởng lợi của Dự án: Cần ghi rõ số lượng nam, nữ, DTTS, nhóm nghèo nhất tham gia. Nếu không có số liệu cụ thể, cần đề nghị cung cấp số liệu cụ thể về người hưởng lợi và cần đảm bảo có sự hưởng lợi công bằng giữa nữ và nam.
2. Tiêu chí lựa chọn dự án: Các hoạt động của dự án cần đáp ứng nhu cầu của người dân, nhất là nhu cầu của nữ giới: Ví dụ nếu dự án hỗ trợ mua máy cày hay mua giống cho chăn nuôi...thì hoạt động nào đáp ứng nhu cầu sản xuất của nam, hoạt động nào đáp ứng nhu cầu của nữ. Các hoạt động này giúp thúc đẩy bình đẳng giới trong hoạt động sản xuất như thế nào?
3. Đơn đăng ký, Danh sách hộ tham gia đăng ký: Yêu cầu số liệu tách biệt theo giới tính, cụ thể là đảm bảo trong danh sách chính thức đăng ký tham gia dự án có tỷ lệ cân bằng nam nữ. Tránh tình trạng chỉ có chủ hộ là nam giới tham gia, khuyến khích nữ đứng tên vì xu hướng chủ hộ đứng tên đăng ký hộ tham gia tạo ra nhiều thuận lợi cho nam giới tham gia các hoạt động hơn so với nữ giới
4. Biên bản họp thôn: Tách biệt các ý kiến của nam và nữ. Xem xét mối quan tâm, nguyện vọng của mỗi giới, đảm bảo ý kiến của họ được phản ánh đầy đủ trong biên bản họp thôn.
5. Thuyết minh dự án: Trả lời được các câu hỏi trên sẽ giúp làm rõ dự án sẽ thúc đẩy BĐG như thế nào? Những lợi ích mà nữ, nam được hưởng từ dự án là gì? Tránh đưa thông tin chung chung, không thấy được lợi ích cụ thể đối với nhóm nghèo nhất, nhóm nữ....

3.2.2 Khảo sát nhu cầu nâng cao năng lực

Trước khi tiến hành các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cần thông tin cho người dân về định hướng phát triển kinh tế-xã hội của địa phương, tiềm năng thế mạnh và quy hoạch sản xuất của thôn bản/xã, phương hướng lập dự án phát triển sản xuất và thông tin về Chương trình 135. Mục đích là để tìm hiểu nhu cầu, nguyện vọng của người dân, đặc biệt phân tách các nhu cầu và ý kiến của nam, nữ, của các nhóm dân tộc khác nhau sinh sống trên địa bàn.

Các hình thức tổ chức lấy ý kiến bao gồm:

- **Họp dân:** Mời chủ đích cả nữ và nam, khuyến khích cả nam và nữ trong các hộ gia đình tham gia họp.
- **Họp nhóm nữ:** Trong nhiều trường hợp có thể tổ chức cuộc họp riêng với nữ giới, phối hợp với Hội phụ nữ, để đảm bảo nữ giới có được không gian thoải mái và tự tin khi chia sẻ nguyện vọng của mình.
- **Người điều hành các cuộc họp cần chú trọng đến tiếng nói và ý kiến của cả nam và nữ.** Cố gắng chú ý, phát hiện và ghi lại những khác biệt trong ý kiến của nhóm nam và nhóm nữ, giữa các nhóm dân tộc khác nhau.
- **Các sáng kiến khác:** Tại nhiều nơi, người ta có thể tổ chức nhiều dạng tham vấn khác nhau như cho cộng đồng vẽ tranh, hoặc vẽ sơ đồ về những mong muốn của họ về cộng đồng mà họ sinh sống.

Khảo sát cần xác định được nhu cầu, mối quan tâm và sự ưu tiên của nữ và nam trong các hoạt động hỗ trợ sản xuất là gì?

3.2.3 Tổ chức, triển khai hoạt động hỗ trợ sản xuất

Trong quá trình thực hiện dự án, cần thúc đẩy sự tham gia một cách bình đẳng đối với nam và nữ là đối tượng hưởng lợi trong các hoạt động hỗ trợ sản xuất và đa dạng hóa sinh kế.

Tập huấn, chuyển giao khoa học kỹ thuật

Khuyến khích phụ nữ tham gia tập huấn kỹ thuật: Ngoài những tập huấn mà phụ nữ thường hay tham gia, với sự thay đổi về sinh kế, rất cần khuyến khích nữ giới tham gia những tập huấn ứng dụng kỹ thuật mới mà trước đây họ ít tham gia, nhất là những tiến bộ mới (giống cây trồng, vật nuôi, kỹ thuật..) đã được khảo nghiệm, đem lại năng suất lao động cao



Ảnh: UN Women Việt Nam/Hoàng Hiệp

Hộp 14: Một số đề xuất để thúc đẩy sự tham gia của phụ nữ vào tập huấn

- Xác định tỷ lệ nữ tham gia tập huấn
- Mời đích danh nữ giới tham gia tập huấn
- Địa điểm tập huấn cần đảm bảo việc đi lại dễ dàng thuận lợi cho nữ giới. Địa điểm càng gần càng tạo thuận lợi cho nữ giới tham gia.
- Lựa chọn thời gian phù hợp (ví dụ không nên tổ chức dài ngày), thời điểm phù hợp (hạn chế tổ chức tập huấn vào thời vụ.)
- Phương pháp tập huấn: Thu hút sự tham gia, chia sẻ, thảo luận, thảo luận các nhóm nữ riêng có thể tăng sự tự tin của nữ giới, giúp họ mạnh dạn chia sẻ.
- Sử dụng ngôn ngữ địa phương

Hỗ trợ các nguồn lực sản xuất

- Các nguồn lực sản xuất bao gồm: Giống cây, con giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, dụng cụ sản xuất, chế biến, bảo quản sản phẩm sau thu hoạch; thức ăn chăn nuôi, vắc xin tiêm phòng; cải tạo diện tích nuôi trồng thủy sản; kênh lấy nước và thoát nước...
- Cách thức hỗ trợ thường được tiến hành thông qua hộ gia đình, trong khi ở các vùng nông thôn, vùng xa, vùng xa, đa số chủ hộ là nam giới. Điều này có thể dẫn đến một thực tế nữ giới ít được tiếp cận với thông tin về các nguồn hỗ trợ sản xuất.
- Việc đại diện chủ hộ tham gia vào các hoạt động hỗ trợ sản xuất có thể dẫn đến thực tế là nữ nghèo, nữ DTTS ít được đại diện để tham gia các cuộc họp và thảo luận về các nội dung liên quan đến hỗ trợ sản xuất.
- Trong nhiều gia đình, những quyết định liên quan đến phát triển sản xuất thường được quyết định bởi chủ hộ.

Do vậy, các cơ quan các cấp có liên quan, đặc biệt là UBND cấp xã và cán bộ thôn/bản cần đảm bảo rằng nam, nữ được tiếp cận thông tin một cách bình đẳng, cụ thể là:

- Đảm bảo cả nam, nữ trong hộ gia đình được tham gia dân chủ trọng các cuộc họp lấy ý kiến về kế hoạch phát triển sản xuất, về các hình thức hỗ trợ.
- Cần chú trọng đến nhu cầu, tiếng nói của nữ giới trong xây dựng và thực hiện các hoạt động hỗ trợ sản xuất.
- Trong hỗ trợ dạy nghề, hướng nghiệp, cần khuyến khích nữ tham gia đào tạo những ngành nghề mới phi nông nghiệp.
- Việc đa dạng hóa sinh kế cho người dân, chú trọng đến phụ nữ thuộc hộ nghèo, DTTS nhằm đảm bảo họ có cơ hội tham gia vào các công việc có thu nhập.

Hỗ trợ nhóm sản xuất, liên kết, hợp tác xã và xây dựng mô hình sản xuất tiên tiến

Thực tế hiện nay là:

- Mặc dù, nữ giới tham gia trực tiếp vào sản xuất, nhưng thường ít tham gia vào các nhóm sản xuất liên kết, hợp tác xã với tư cách là thành viên chính thức của nhóm. Điều này là do nữ giới không làm chủ hộ gia đình theo quan niệm truyền thống, nhất là ở các vùng nghèo, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số.
- Các tổ trưởng tổ nhóm sản xuất, nhóm liên kết cũng chủ yếu là nam giới.

Điều cần thay đổi là:

Thúc đẩy sự tham gia của nữ giới với tư cách là những thành viên chính thức của nhóm sản xuất, nhóm liên kết và hợp tác một cách bình đẳng. Cần có những biện pháp cụ thể để khuyến khích nữ tham gia:

- Xác định tỷ lệ nam, nữ tham gia các nhóm liên kết, nhóm sản xuất. Tìm hiểu và lựa chọn nữ giới có mong muốn tham gia nhóm sản xuất.
- Thu hút nữ giới vào các mô hình tạo việc làm công cho người nghèo (mô hình sản xuất nông, lâm kết hợp với trồng và bảo vệ rừng, mô hình giảm thiểu rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu...)
- Xác định tỷ lệ nam, nữ được lựa chọn để làm tổ trưởng tổ sản xuất, nhóm liên kết, nhóm cùng sở thích.
- Chú trọng nâng cao năng lực cho nữ giới.

3.3 Lồng ghép giới trong hoạt động nâng cao năng lực cộng đồng và cán bộ cơ sở

Đối với phần đào tạo, nâng cao năng lực, Ban Dân tộc tỉnh là đơn vị chủ trì quản lý, có nhiệm vụ xây dựng khung chương trình theo nội dung được lựa chọn phù hợp với các đối tượng để xây dựng kế hoạch hàng năm và tổ chức thực hiện¹⁶.

Nghiên cứu văn bản kế hoạch các địa phương đã ban hành và triển khai, trong thời gian gần đây cho thấy đối tượng tham gia đào tạo, tập huấn chủ yếu là cán bộ cơ sở: lãnh đạo chính quyền, đoàn thể ở xã thôn, bản, thành viên ban giám sát xã, kế toán, người có uy tín trong cộng đồng, thành viên tổ duy tu bảo dưỡng. Hầu như rất ít hoặc không có thành phần là người dân tham gia vào hoạt động nâng cao năng lực.

Một nội dung rất cần thiết với cộng đồng đó là kỹ năng tham gia vào lập kế hoạch, mặc dù có trong khung chương trình nhưng nội dung này rất ít được triển khai thực hiện. Lý do có thể là kinh phí đào tạo hạn hẹp, nhiều chủ đề, mặt khác đào tạo người dân khó thực hiện do đối tượng quá lớn.

3.3.1 Một số vấn đề giới trong các hoạt động nâng cao năng lực

- Tỷ lệ nữ tham gia các hoạt động nâng cao năng lực còn thấp so với nam giới.
- Các hoạt động đào tạo, tập huấn còn hình thức đại trà, dàn trải nội dung, thường ít chú trọng đến khâu đánh giá nhu cầu đào tạo, dẫn đến việc chưa đáp ứng được nhu cầu nâng cao năng lực của nữ và nam.
- Cách thức tổ chức, phương pháp đào tạo, địa điểm, thời gian thường không tính đến các đặc thù về giới, ví dụ nhiều phụ nữ nghèo không tham gia được do địa điểm tổ chức xa nhà, không có phương tiện đi lại.

16 Phương pháp thực hiện hiện nay là các Ban Dân tộc xây dựng kế hoạch, dự toán, phối hợp các sở ngành tổ chức biên soạn tài liệu và gửi kế hoạch về các huyện. Khi tổ chức lớp, Ban Dân tộc sẽ thông báo thành phần, nội dung, địa điểm, chế độ chính sách, mời giảng viên đến tập huấn. Căn cứ thành phần do Ban Dân tộc thông báo, Phòng Dân tộc huyện tham mưu cho UBND huyện triệu tập tập học viên. Một số tỉnh phân cấp: Ban Dân tộc tỉnh tổ chức các lớp tập huấn cho đối tượng là cán bộ cơ sở; UBND huyện tổ chức các lớp tập huấn cho đối tượng là cộng đồng.

- Ngôn ngữ cũng là rào cản đối với nhiều nữ giới ở cộng đồng DTTS trong tham gia đào tạo, tập huấn vì do có thể không biết chữ (Tiếng Việt).

Xuất phát từ những vấn đề giới nêu trên, lồng ghép giới cần được thực hiện trong 2 giai đoạn là: **Khảo sát nhu cầu và tổ chức thực hiện các hoạt động đào tạo**



3.3.2 Khảo sát nhu cầu đào tạo

Nâng cao năng lực được tiến hành đối với hai nhóm đối tượng là cộng đồng và nhóm cán bộ xã, đoàn thể. Khảo sát, đánh giá thực trạng năng lực và nhu cầu đào tạo của nam, nữ thuộc các đối tượng, các dân tộc ở xã, thôn, bản là cơ sở để xây dựng chương trình tập huấn, đào tạo. Những yêu cầu về lồng ghép giới bao gồm:

- Trước khi tiến hành cần thông tin cho cộng đồng về mục tiêu, nội dung, chương trình khung đào tạo của tỉnh ban hành. Thông tin về định hướng phát triển kinh tế-xã hội của địa phương, thông tin về CT 135 để tìm hiểu nhu cầu, nguyện vọng của người dân và cán bộ xã.
- Đặc biệt phân tách các nhu cầu và ý kiến của nam, nữ, của các nhóm dân tộc khác nhau sinh sống trên địa bàn.

Các hình thức tổ chức lấy ý kiến:

Đối với cộng đồng:

- **Họp dân:** Mời cả nữ và nam, khuyến khích nam và nữ trong hộ gia đình cùng tham gia họp
- **Họp nhóm nữ:** Trong nhiều trường hợp có thể tổ chức cuộc họp riêng với nữ giới, phối hợp với Hội phụ nữ, để đảm bảo nữ giới có được sự thoải mái và tự tin khi chia sẻ nguyện vọng của mình.
- **Người điều hành các cuộc họp chủ động** nêu các chủ đề, nội dung đào tạo của chương trình sẽ tiến hành, cần chú trọng đến tiếng nói và ý kiến của cả nam và nữ. Cố gắng chú ý và phát hiện những khác biệt trong ý kiến của nhóm nam và nhóm nữ, giữa các nhóm dân tộc khác nhau.

Đối với cán bộ xã, thôn bản:

- **Phổ biến tài liệu** chương trình, nêu nhiệm vụ, trách nhiệm của cán bộ cơ sở trong thực hiện chương trình (xây dựng kế hoạch, làm chủ đầu tư, tổ chức thực hiện, giám sát, duy tu bảo dưỡng...).
- **Khẳng định vai trò, trách nhiệm** của cán bộ nữ trong thực hiện chương trình.
- **Lấy phiếu khảo sát, thăm dò** nguyện vọng về nội dung, hình thức đào tạo đối với cả nam và nữ
- **Xác định được nhu cầu, mối quan tâm** và sự ưu tiên của nữ và nam trong cộng đồng và cán bộ cơ sở trong nội dung về nâng cao năng lực.
- **Lập bảng biểu làm cơ sở xây dựng kế hoạch**, trong đó có tính đến sự cân đối giữa số lượng nam và nữ tham gia đăng ký. Nếu có sự mất cân bằng về số lượng thì cần phải đánh giá lại khâu tổ chức lấy ý kiến, đưa ra các biện pháp hiệu quả đảm bảo có được số nam và nữ tham gia phù hợp về cơ cấu số lượng và thành phần dân tộc, độ tuổi...

Hộp 15: Những khó khăn khi phụ nữ tham gia tập huấn

- Nữ DTTS có thể e ngại tham gia hội họp, tập huấn
- Khi tham gia lớp học có thể e ngại không muốn phát biểu
- Phụ nữ hay ở nhà, ít ra ngoài nên chưa làm quen từ ngữ kỹ thuật, từ ngữ trong sách vở
- Nhiều người DTTS, nhất là nữ chưa thạo chữ và tiếng phổ thông

Lưu ý: Các cán bộ chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện tập huấn cần biết được những khó khăn này của phụ nữ để có biện pháp khắc phục đảm bảo sự tham gia của nữ giới cả về số lượng và chất lượng

3.3.3 Tổ chức thực hiện

Trên cơ sở kế hoạch đào tạo được phê duyệt, Ban Dân tộc tỉnh hoặc UBND huyện (theo phân cấp) tổ chức thực hiện bảo đảm đáp ứng nhu cầu của nam và nữ trong cộng đồng và cán bộ cơ sở về nội dung, số lượng và hình thức đào tạo. Các công việc cụ thể bao gồm:

- Biên soạn tài liệu đào tạo hình thức phong phú, đa dạng tùy theo nội dung nhằm đáp ứng nhu cầu, phù hợp với điều kiện của mỗi giới. Kết hợp đào tạo với tham gia thực tế, mô hình thành công trên địa bàn;
- Trong quá trình triển khai cần nắm bắt những bất cập của tài liệu, lắng nghe phản ánh của học viên để kịp thời sửa đổi cho phù hợp.
- Cần xác định đối tượng ưu tiên (nữ/nam) đào tạo trước và đào tạo nhiều lần.
- Xác định những nội dung, chủ đề thiết thực trước mắt đào tạo trước, kịp thời phục vụ cho thực hiện chương trình.
- Triệu tập học viên tham gia phải có quy định cứng về cơ cấu nam, nữ, số lượng, thành phần dân tộc (nếu địa bàn có nhiều thành phần dân tộc).

- Người tổ chức lớp các lớp đào tạo cần nắm vững yếu tố phong tục văn hóa để sắp xếp thời gian hợp lý tránh trùng với lễ hội, tôn giáo.
- Bố trí địa điểm hợp lý, đi lại thuận lợi, không bố trí quá nhiều ngày 1 đợt tập huấn để giảm tối đa trở ngại đối với nữ, nhất là nữ DTTS.
- Tăng cường và có hình thức hỗ trợ, khuyến khích phụ nữ tham gia các đợt tham quan học tập kinh nghiệm nơi khác.
- Những nội dung đào tạo gắn với thực tế thì phải kết hợp giữa đào tạo tại lớp và thực hành tại hiện trường: Giám sát thi công, lập báo cáo kết quả, dự toán công tác duy tu bảo dưỡng, lập biên bản nghiệm thu, lập kế hoạch có sự tham gia...
- Bố trí các giảng viên am hiểu phong tục tập quán dân tộc, ngôn ngữ dân tộc, sẽ rất tốt nếu có sự phối hợp của cả giảng viên nữ và nam.
- Sau mỗi khóa đào tạo cần dành thời gian trao đổi, lấy ý kiến của học viên nam, nữ, học viên dân tộc thiểu số, cần tạo ra không khí cởi mở để học viên phản ánh ý kiến để kịp thời điều chỉnh bổ sung bất cập; có hình thức khuyến khích động viên kịp thời những học viên tích cực, mạnh dạn.



Ảnh: UN Women Việt Nam/Đoàn Thị Ngọc Huyền



Ảnh: UN Women Việt Nam/Hà Anh Tiên



PHẦN III
LỒNG GHÉP GIỚI TRONG QUÁ TRÌNH
NGÂN SÁCH ĐỐI VỚI
CHƯƠNG TRÌNH 135

Photo: UN Women Viet Nam / Nguyen Duc Ba Thien

1. LỒNG GHÉP GIỚI VÀO LẬP KẾ HOẠCH VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH

Lập kế hoạch CT 135 hằng năm và cả giai đoạn phải gắn với mục tiêu kế hoạch phát triển KT-XH ở xã và quy hoạch của địa phương; kế hoạch đầu tư công trung hạn và khả năng cân đối bố trí nguồn vốn.

Ban Quản lý CT 135 xây dựng dự toán thực hiện Chương trình trên địa bàn xã; nội dung của dự toán bao gồm: danh mục và nội dung chủ yếu của các hoạt động, công trình, dự án cần thực hiện trong kỳ kế hoạch, vốn - cơ cấu nguồn vốn và đề xuất đơn vị chủ trì thực hiện.

1.1 Những yêu cầu về giới cần thực hiện

- Xác định các vấn đề giới cần được giải quyết trong các hoạt động của tiểu dự án là những vấn đề gì.
- Xác định các tiêu chí ưu tiên lựa chọn hoạt động, ví dụ giải quyết các vấn đề đang ảnh hưởng đến số đông nam hay nữ hay vấn đề cấp bách đang tác động tiêu cực đến các nhóm nam, nữ, em trai, em gái.
- Lập danh mục các hạng mục đầu tư cho năm kế hoạch nhằm giải quyết các vấn đề bất bình đẳng giới và các bất hợp lý đã xác định thông qua phân tích giới và lồng ghép giới đã được giới thiệu ở các phần trên.
- Lập kế hoạch cần đảm bảo sự tham gia bình đẳng và có chất lượng của cả phụ nữ và nam giới thuộc các dân tộc khác nhau.
- Quá trình lập dự toán phải có các tổ chức tham gia ý kiến, trong đó chú trọng tách biệt các ý kiến của nam, nữ (theo các nhóm dân tộc, nhóm nghèo nhất...)
- Sau khi đã lập dự toán ngân sách, cần tổ chức thảo luận lấy ý kiến công khai vào dự toán thực hiện Chương trình trước khi báo cáo HĐND xã quyết định.

Trong quá trình lập kế hoạch và dự toán, thì việc họp thôn/bản để xây dựng kế hoạch là rất quan trọng. Tuy nhiên, thực tế cho thấy việc tổ chức họp thôn/bản thường không chú ý đến các khía cạnh về giới. Quá trình chuẩn bị và tổ chức cuộc họp dưới đây là ví dụ cho thấy lập kế hoạch đã không tính đến sự tham gia đầy đủ của cả nam, nữ.

Hộp 16: Hướng dẫn họp thôn xây dựng kế hoạch (trích từ Hướng dẫn của Sở X, tỉnh Z)

Tổ chức họp có sự tham gia của tất cả đại diện của các hộ gia đình sinh sống trên địa bàn thôn (ít nhất phải có 50% đại diện số hộ tham gia họp để tiến hành biểu quyết thống nhất cách thức thực hiện, phương thức huy động, chế độ miễn giảm đóng góp đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo).

- Người đại diện tổ chức cuộc họp này là Tổ kế hoạch của thôn (nếu chưa thành lập Tổ kế hoạch thì Ban Tự quản thôn + Chi ủy Chi bộ thôn đứng ra chủ trì tổ chức cuộc họp), có mời đại diện của xã và Ban Quản lý xã để chỉ đạo, định hướng các nội dung cần thảo luận tại cuộc họp.
- Thành phần tham gia dự họp: Chi ủy Chi bộ thôn; ban chấp hành các đoàn thể ở thôn (Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ, Hội nông dân, Ban Công tác mặt trận,...); đại diện cho các hộ gia đình đang sinh sống trên địa bàn thôn.
- Công tác tổ chức và chuẩn bị cho cuộc họp kế hoạch thôn: Tổ Kế hoạch thôn hoặc Ban Tự quản thôn phải thông báo về thời gian, địa điểm tổ chức cuộc họp cho toàn thể nhân dân trong thôn và cho các đại biểu dự kiến mời dự họp trước 01 ngày, đồng thời chuẩn bị các tài liệu, báo cáo có liên quan như ở bước 2 nói trên, trong đó có danh mục dự kiến các công trình, dự án đầu tư của thôn, gợi ý về các nội dung thảo luận (như huy động sự tham gia đóng góp của người dân.v.v.), chuẩn bị các cơ sở vật chất và các tài liệu liên quan khác đến nội dung cuộc họp.v.v.

Hướng dẫn này cho thấy họp kế hoạch cấp thôn theo cách truyền thống chưa chú trọng đến các yếu tố về giới

1.2 Bảng kiểm về giới đối với Dự toán ngân sách

Để đảm bảo việc thực hiện lồng ghép vào quá trình lập Dự toán ngân sách, cần trả lời các câu hỏi sau đây:

- Nhiệm vụ hay các hoạt động nào của năm Kế hoạch nhằm hướng tới thúc đẩy bình đẳng giới hoặc giảm thiểu các vấn đề bất bình đẳng giới đã được xác định thông qua phân tích giới.
- Kết quả và tác động cụ thể đối với nữ và nam mà các tiểu dự án và chương trình muốn đạt được là gì?
- Dự kiến về mức độ và chất lượng tham gia (tiếng nói, quyền ra quyết định) của nhóm nam và nữ như thế nào vào các hoạt động này?
- Ngân sách dự toán phân bổ cho các hoạt động hướng tới thúc đẩy bình đẳng giới (sự tham gia của nữ) như thế nào? Có ưu tiên nào về ngân sách cho việc thúc đẩy bình đẳng giới?
- Có bao nhiêu hoạt động đã xác định được các kết quả cụ thể về bình đẳng giới? Ngân sách cho các hoạt động này là bao nhiêu trên tổng ngân sách cho tiểu dự án nói chung?
- Trong dự toán, có xem xét ngân sách dành riêng hỗ trợ nhóm nghèo nhất, ví dụ nhóm sản xuất/chăn nuôi dành riêng cho nữ.



Ảnh: Ủy ban Dân tộc

Hộp 17: Ví dụ về các khía cạnh giới trong lập kế hoạch và dự toán ngân sách Dự án cơ sở hạ tầng

Việc lựa chọn xây dựng con đường có thể đáp ứng nguyện vọng của những người có xe máy. Trong khi xây dựng công trình thủy lợi vừa cấp nước tưới cho sản xuất vừa cấp nước sinh hoạt, đáp ứng được nhu cầu của phụ nữ vì đa số phụ nữ trong gia đình phải đi xa lấy nước.

Xem xét tác động đối với đời sống của cư dân sống xung quanh hay cận kề nơi công trình xây dựng, cụ thể là việc lấy đất làm đường ảnh hưởng như thế nào đến kế sinh nhai của nông dân, nhất là phụ nữ sau 35 tuổi, việc mất đất và khó khăn nảy sinh do đường và thiếu các đường nhánh thích hợp để người dân nông thôn, nhất là phụ nữ có thể đưa nông sản đi tiêu thụ. Cần cân nhắc những vấn đề này từ góc độ giới thì mới giải quyết được vướng mắc.

Khi xem xét bố trí ngân sách để xây dựng các công trình CSHT, cần có sự quan tâm đến các vấn đề về giới và phân tích cụ thể tác động của dự án đến nam và nữ. Trên thực tế, phụ nữ thường ít khi tham gia các cuộc họp. Các cuộc họp đó thường do đàn ông dự (bố hoặc chồng, con). Khi dự họp nam giới thường ít quan tâm đến nhu cầu thực tế của phụ nữ như sự thuận tiện trong việc lấy nước, thu hoạch và tiêu thụ nông sản, đi chợ, sự an toàn đối với di chuyển của trẻ em khi có đường xa lộ chạy qua khu dân cư. Sự đồng ý hay nhu cầu, mong muốn của các nam giới không đồng nghĩa với sự hài lòng và nhu cầu của phụ nữ và các thành viên khác trong gia đình.

Công việc sinh đẻ, chăm sóc gia đình và nuôi dạy con cái được xem là vai trò chính của phụ nữ và chiếm nhiều thời gian của họ. Đây là những hoạt động không được trả công nhưng lại có vai trò quan trọng trong việc tái sản xuất sức lao động của các thành viên của xã hội. Tuy nhiên, việc phụ nữ là đối tượng thực hiện chính các hoạt động không được trả công này đang ảnh hưởng đến cơ hội tham gia các hoạt động kinh tế và ảnh hưởng đến sự phát triển xã hội của một quốc gia. Vì vậy, các dự án, đề án liên quan đến CSHT và dịch vụ thiết yếu (giáo dục, y tế) cần phải xem xét để đảm bảo giảm bớt thời gian lao động chăm sóc không được trả công của phụ nữ. Nghĩa là khi bố trí ngân sách, phải đảm bảo không gây ra ảnh hưởng tiêu cực và hướng đến sự tham gia của nữ trong các hoạt động kinh tế và xã hội khác.

**Hộp 18: Nghiên cứu tình huống về lập kế hoạch và dự toán ngân sách
(Dự án về phát triển sản xuất ở xã A...tỉnh H)**

1. Địa điểm thực hiện: Tại 10 xóm trên địa bàn xã A

2. Thời gian thực hiện trong: Năm 2018.

3. Nội dung và quy mô hỗ trợ.

3.1. Dự án hỗ trợ cho 22 hộ dân mua máy móc, nông cụ sản xuất, sơ chế tham gia mô hình chè:

- Hỗ trợ 01 lớp tập huấn kỹ thuật trồng và chăm sóc chè cho 50 lượt người;
- Hỗ trợ mua tôn sao, máy vò chè cho: 02 hộ tham gia;
- Hỗ trợ mua Máy cày dắt tay cho: 02 hộ tham gia;
- Hỗ trợ mua Máy phát cỏ (GX25+phụ kiện kèm theo) cho: 11 hộ tham gia;
- Hỗ trợ mua Máy làm đất đa năng cho: 01 hộ tham gia;
- Hỗ trợ mua Đầu nổ YC70 Nhật đã qua sử dụng cho: 02 hộ tham gia;
- Hỗ trợ mua đầu nổ D8 quạt gió cho: 01 hộ tham gia;

3.2. Dự án hỗ trợ cho 18 hộ mua máy móc, nông cụ sản xuất, sơ chế tham gia mô hình trồng lúa

- Hỗ trợ 01 lớp tập huấn kỹ thuật trồng và chăm sóc lúa cho 50 lượt người
- Hỗ trợ mua Máy tuốt phụng Ngọc Khánh: 02 hộ tham gia;
- Hỗ trợ mua Động cơ xăng có Punilai (cho: 01 hộ tham gia);
- Hỗ trợ mua Máy cày dắt tay (động cơ Diezel R180 đồng bộ TQ SX) : 03 hộ
- Hỗ trợ mua Đầu nổ YC70 Nhật đã qua sử dụng cho: 03 hộ tham gia;
- Hỗ trợ mua Hộp số YC70 Nhật đã qua sử dụng cho: 02 hộ tham gia;
- Hỗ trợ mua Máy cày dắt tay Nhật Bản: 01 hộ tham gia;
- Hỗ trợ mua Máy phát cỏ (GX25+phụ kiện kèm theo) cho: 06 hộ tham gia;
- Hỗ trợ mua Máy bơm nước (động cơ Diezel R180 đồng bộ) cho: 01 hộ .

4. Tổng vốn đầu tư: 328.700.000 đồng.

Nhà nước hỗ trợ: 249.800.000 đồng; Nhân dân đối ứng: 78.900.000 đồng.

Mức hỗ trợ tối đa: Hộ nghèo 15 tr/hộ, cận nghèo 10 tr/hộ, mới thoát nghèo 7tr/hộ

5. Đối tượng thực hiện: Là hộ nông dân thuộc đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo trên địa bàn xã A

6. Chính sách Nhà nước hỗ trợ: (theo Hướng dẫn số xxx/HD...)

- Hộ nghèo tối đa không quá 15.000.000 đồng/hộ;
- Hộ cận nghèo tối đa không quá 10.000.000 đồng/hộ;
- Hộ mới thoát nghèo tối đa không quá 7.000.000 đồng/hộ;

Với tình huống nêu trên, những vấn đề giới cần quan tâm khi lập kế hoạch và dự toán ngân sách là gì?

- Về đối tượng: Ai được ưu tiên? Tiêu chí lựa chọn 22 hộ gia đình được hỗ trợ mua máy móc, nông cụ sản xuất là gì? (trên địa bàn có nhiều hộ nghèo và cận nghèo)
- Đánh giá nhu cầu: Tại sao lại mua các loại máy này? Có thực hiện đánh giá nhu cầu của nữ và nam về nội dung hỗ trợ không? Nhu cầu của nữ, của nam là gì?
- Về nội dung hỗ trợ SX: Nam hay nữ sử dụng các loại máy móc này là chính? (trong danh sách các loại máy móc kể trên thì đa phần các máy móc này do nam sử dụng (Máy cày dất tay, Đầu nổ, Máy bơm nước, Động cơ xăng, Máy làm đất đa năng, trong khi đó máy vò chè có thể là nữ sử dụng nhiều hơn thì chỉ có số lượng 1 cái)

Lưu ý:

- Ngân sách có thể có tác động tốt đến bình đẳng giới nếu như các loại máy móc được mua sẽ làm giảm thời gian lao động của cả nữ và nam. Ví dụ máy phục vụ tưới tiêu, máy hái chè mini, máy sao chè có thể là thiết thực và hiệu quả hơn đối với lao động nữ.

Vì vậy:

- Để đảm bảo dự toán ngân sách có thúc đẩy bình đẳng giới cần xem xét: (i) đối tượng hưởng lợi trực tiếp từ các hoạt động của Dự án; (ii) Nội dung hỗ trợ có đáp ứng nhu cầu của các hộ nghèo, DTTS nhất là nữ; (iii) Hiệu quả, tác động của các hoạt động hỗ trợ trực tiếp đến ai? Nam hay nữ?

Những bất cập hiện nay:

- Thực tế do chưa có quy định chặt chẽ về lồng ghép giới trong Chương trình 135 nên việc tổ chức thực hiện còn nhiều bất cập, chưa đáp ứng nhu cầu, sự tham gia và thụ hưởng của nam và nữ một cách công bằng. Theo hướng dẫn của các Bộ, ngành yêu cầu phải “ưu tiên hộ nghèo DTTS và phụ nữ thuộc hộ nghèo; tạo điều kiện để người lao động là người sau cai nghiện ma túy, nhiễm HIV/AIDS, phụ nữ bị buôn bán trở về thuộc hộ nghèo được tham gia dự án” song hướng dẫn của tỉnh không đưa ra tiêu chí đối tượng thụ hưởng như quy định của Bộ¹⁷. Việc lấy ý kiến, họp thôn, thành phần họp còn chung chung, không có quy định về giới.
- Cung cấp giống cây, vật nuôi, vật tư phân bón, máy móc... không phù hợp đất đai thổ nhưỡng, trình độ sản xuất, không phù hợp nguyện vọng nam, nữ nông dân.
- Nội dung thực hiện chưa phù hợp, hiệu quả thấp, nặng về mua sắm vật tư, cây con, hỗ trợ cho không (dễ thực hiện, giải ngân nhanh), ít quan tâm đến tập huấn, kỹ thuật, phổ biến kiến thức sản xuất, nhất là kỹ năng sử dụng phân bón, thuốc hóa học, bảo hộ lao động ảnh hưởng sức khỏe phụ nữ; chưa quan tâm đến việc nâng cao trình độ sản xuất phù hợp với chuyển đổi cơ cấu sản xuất, phát triển bền vững...
- Chưa quan tâm đầy đủ đến ý kiến của phụ nữ, nhất là phụ nữ nghèo, phụ nữ ít được tham gia tập huấn và nhóm hộ sản xuất, chưa có tiếng nói trong quá trình lập dự án phát triển sản xuất của thôn bản, xã.

17 Thông tư 18/2017/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Hộp 19: Các hoạt động lồng ghép giới cần thực hiện trong tiểu dự án PTSX

- Bộ phận tham mưu (cơ quan thường trực là Sở NNPTNT) soạn thảo hướng dẫn thực hiện trình UBND tỉnh phê duyệt cần trả lời các câu hỏi: Các hoạt động đã đề cập đến mục tiêu giới chưa? Quy trình thực hiện đảm bảo sự tham gia của phụ nữ thuộc hộ nghèo bằng cách nào? Cơ chế nào để tiếp nhận những ý kiến phản hồi? Quy định về khâu thẩm định trước khi phê duyệt, có tính đến khía cạnh về giới chưa?
- UBND huyện cấp quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch thực hiện và phân giao chủ đầu tư: Chỉ đạo chặt chẽ việc lập kế hoạch, dự toán ngân sách. Thẩm định chặt chẽ dự án và kế hoạch của các chủ đầu tư đảm bảo mục tiêu bình đẳng giới, có chế tài đối với dự án, kế hoạch chưa đảm bảo mục tiêu BĐG
- UBND xã tổ chức thực hiện: Xây dựng dự án tổng thể trên địa bàn, tổ chức lấy ý kiến của cộng đồng, ý kiến của nữ, nam trong việc lập dự toán ngân sách hàng năm và phản ánh đầy đủ ý kiến của nữ, nam đối với các hoạt động của dự án. Khi triển khai thực hiện: Lập dự toán kinh phí các hoạt động, tổ chức thực hiện phải công khai minh bạch, có sự giám sát chặt chẽ của cộng đồng.
- Đội ngũ cán bộ - những người trực tiếp thực hiện trong Ban phát triển xã ngoài việc nâng cao năng lực, kiến thức về dự án, phải được nâng cao năng lực về kỹ năng phân tích giới và kỹ năng lồng ghép giới trong các bước từ lập kế hoạch có sự tham gia đến triển khai thực hiện các hoạt động.

2. LỒNG GHÉP GIỚI VÀO QUÁ TRÌNH CHẤP HÀNH NGÂN SÁCH

- Chấp hành ngân sách là giai đoạn tổ chức thực hiện dự toán ngân sách cho CT 135 đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định.
- Chấp hành ngân sách bao gồm theo dõi và giám sát chi tiêu theo các ưu tiên đã được xác định trong các tiểu dự án của CT135.
- Lồng ghép giới vào quá trình chấp hành ngân sách là việc đảm bảo quá trình tổ chức thực hiện hoạt động được phê duyệt ngân sách, trong đó có tính đến sự khác biệt về giới, hướng tới thúc đẩy bình đẳng giới.

2.1 Bảng kiểm về giới đối với chấp hành ngân sách

Để lồng ghép giới vào việc chấp hành ngân sách, cần trả lời các câu hỏi sau:

- Ngân sách cho các hoạt động của tiểu dự án của CT 135 có được sử dụng đúng mục đích đã được xác định nhằm thúc đẩy bình đẳng giới không? Nếu không, lý do là gì?
- Hệ thống các chỉ số giám sát, theo dõi việc thực hiện CT 135 có bao gồm các chỉ số về giới không? Nếu không, cần bổ sung như thế nào?
- Có các biện pháp cần thiết nhằm đảm bảo các tiểu dự án thực hiện đúng theo dự toán ngân sách được giao, bao gồm hướng tới thúc đẩy bình đẳng giới hay không? Nếu không, lý do là gì và cần khắc phục như thế nào?
- Tiểu dự án có xây dựng được hệ thống thống kê số liệu tách biệt theo giới tính về người hưởng lợi, mức độ tham gia, tiếp cận các nguồn lực (vốn, vật tư sản xuất,...) không?
- Có cần điều chỉnh dự toán ngân sách để đảm bảo việc lồng ghép giới được thực hiện có hiệu quả hay không? Nếu có, cụ thể như thế nào?
- Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện tiểu dự án của CT 135 có phân tích các kết quả về bình đẳng giới (bao gồm số liệu có tách biệt theo giới tính) hay không? Nếu không, lý do là gì và cần bổ sung như thế nào?
- Mức độ phân bổ ngân sách trong thực tế có đáp ứng được các hoạt động về lồng ghép giới hay không? (ví dụ ngân sách cho nâng cao năng lực về giới cho cán bộ phụ trách và thực hiện CT 135)

Hộp 20: Giả định và thực tế

Giả định sai lầm

Một thực tế khá phổ biến hiện nay là mọi người thường nghĩ các chương trình, đề án, chính sách không có sự phân biệt đối xử về giới có nghĩa là nữ/trẻ em gái và nam/trẻ em trai được hưởng lợi như nhau từ chính sách.

Thực tế

Các chương trình, chính sách không tính đến nhu cầu, khó khăn riêng của nữ và nam thường không mang lại lợi ích như nhau đối với nữ và nam. Do những rào cản về văn hóa và định kiến xã hội nên nữ ít có điều kiện tham gia và hưởng lợi bình đẳng, ngay cả khi cơ hội là như nhau đối với nữ và nam.

2.2 Những hạn chế về giới trong chấp hành ngân sách Chương trình 135 hiện nay

Đối với Dự án về cơ sở hạ tầng

- Việc chấp hành ngân sách CT 135 thể hiện qua dự toán kinh phí ứng với thành phần, nội dung công việc, song theo hướng dẫn lập dự toán của Bộ Xây dựng, dự toán chi thuần túy gồm chi phí vật liệu, nhân công, máy móc, chi phí khác, các công việc không thể hiện giới (VD không nêu số lượng nam, nữ tham gia).
- Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất: Thực hiện báo cáo theo công văn của Văn phòng điều phối CT 135 hoặc theo thông tư Hướng dẫn báo cáo chung của UBND. Tuy nhiên các văn bản này cũng không có báo cáo chỉ tiêu và kinh phí liên quan đến giới. Thông tư 06/2014/TT-UBND trước đây và mới nhất là Thông tư 02/2018/TT-UBND ngày 05/11/2018 của UBND quy định chế độ báo cáo thống kê công tác dân tộc, chủ yếu về thống kê các chỉ tiêu kinh tế - xã hội của năm, không đề cập đến báo cáo kết quả thực hiện các chương trình dự án, chính sách từ góc độ giới.
- Công tác giám sát hiện nay chủ yếu là giám sát chất lượng thi công, vật liệu, môi trường, chưa có nội dung giám sát về chỉ tiêu giới. Bộ LĐ-TB-XH đã ban hành Thông tư số 39/2016/TT-BLĐTBXH (ngày 25/10/2016) về Hướng dẫn quy trình kiểm tra và giám sát, đánh giá thực hiện CTMTQGGN bền vững 2016-2020. Nhưng cho đến nay, các địa phương chưa thực hiện báo cáo giám sát kết quả theo Thông tư này.
- Các báo cáo kết quả thực hiện chương trình hàng năm không phản ánh chỉ tiêu giới, vì vậy chưa có cơ sở đánh giá việc chấp hành ngân sách có tác động đến thúc đẩy bình đẳng giới như thế nào?
- Cần phải có hướng dẫn về công tác báo cáo kết quả thực hiện CT 135 hàng năm gắn với chấp hành ngân sách có trách nhiệm giới và tập huấn kỹ năng soạn báo cáo cho cán bộ quản lý chương trình cấp tỉnh và huyện.

Đối với Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất

- Các số liệu về sự tham gia của nam, nữ vào dự án sản xuất thường không tách biệt nam, nữ, do lấy hộ gia đình là thước đo về sự tham gia.
- Tác động của các mô hình sản xuất thường báo cáo một cách chung chung, không phân tách tác động cụ thể đối với nam, nữ.
- Hỗ trợ về nguồn lực sản xuất (máy móc, vật tư) chưa có cơ sở đánh giá tác động giới.



Ảnh: UN Women Việt Nam/Lai Dien Dam

Hộp 23 dưới đây được trích dẫn từ một báo cáo về kết quả thực hiện CT 135 đối với Dự án hỗ trợ PTSX là một minh chứng về việc các yếu tố giới chưa được chú trọng trong báo cáo.

Hộp 21: Kết quả thực hiện Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất

Tổng nguồn vốn thực hiện 5.051 triệu đồng, cụ thể: Số mô hình thực hiện được phê duyệt: Có 26 mô hình, trong đó: có 08 mô hình thuộc lĩnh vực trồng trọt với nội dung hỗ trợ giống cây (Bưởi, Cam, Nhãn); 10 mô hình lĩnh vực chăn nuôi, 02 mô hình thuộc lĩnh vực hỗ trợ máy móc; tổ chức 10 lớp tập huấn về kỹ thuật, với 723 lượt người tham dự, giải ngân vốn 100% theo Kế hoạch.

(Trích Báo cáo Kết quả thực hiện CT 135 năm 2017, Huyện A, Tỉnh Y)

Đối với hoạt động nâng cao năng lực:

- Tỷ lệ nữ tham gia còn hạn chế, mặc dù trong thông tư hướng dẫn có đề cập ưu tiên nữ thuộc hộ nghèo, song việc triển khai từ cấp tỉnh đến huyện, xã chưa có biện pháp thu hút nữ tham gia (không quy định rõ cơ cấu, thành phần, số lượng nữ).
- Trong báo cáo hàng năm của Ban Dân tộc chưa cung cấp các số liệu tách biệt theo giới tính, ví dụ thành phần nam, nữ tham gia đào tạo tập huấn, số lượng cán bộ nữ/nam, tỷ lệ nữ/nam thành viên ban giám sát, thành viên tổ duy tu bảo dưỡng, người có uy tín nữ, chủ hộ nữ, nữ cộng tác viên thôn bản...
- Không có thông tin cụ thể và bằng chứng về việc xây dựng khung chương trình, nội dung đào tạo có sự tham gia của cán bộ cơ sở và cộng đồng.

Hộp 22: Báo cáo kết quả về hoạt động nâng cao năng lực

“Nâng cao năng lực cán bộ cơ sở và cộng đồng: 600 triệu đồng, Ban Dân tộc đã triển khai tập huấn được 19 lớp với khoảng 1.300 lượt người tham gia (ở tỉnh 01 lớp, ở huyện 06 lớp, ở xã 12 lớp) hiện nay cơ bản các lớp đã được triển khai thực hiện với kinh phí giải ngân đạt trên 95% so với kế hoạch”

Trích báo cáo số BC-UBND tỉnh B gửi UBND về kết quả thực hiện CT 135 năm 2016

- Báo cáo kết quả này cho thấy lồng ghép giới chưa được quan tâm đầy đủ và chưa có kết quả minh chứng về lồng ghép giới trong tiểu dự án đào tạo.
- Nguyên nhân là cơ quan chủ trì thực hiện là Ban dân tộc tỉnh chưa quan tâm hoặc chưa có kỹ năng phân tích giới và lồng ghép giới vào quá trình chỉ đạo thực hiện Chương trình
- Các Ban Dân tộc chưa chủ động tách riêng các ý kiến nam và nữ, ý kiến của cán bộ nữ và ý kiến của Hội phụ nữ tham gia trong xây dựng và thực hiện các hoạt động chương trình.

Theo hướng dẫn về báo cáo giám sát chương trình MTQGGN của Bộ LĐ-TB-XH, trong đó có Chương trình 135¹⁸ thì tiểu dự án hỗ trợ sản xuất và nâng cao năng lực đã thể hiện một số chỉ tiêu về bình đẳng giới, tuy nhiên hầu như các địa phương đến nay vẫn chưa thực hiện theo Thông tư 39 như đã đề cập ở trên. Mặt khác, 3 tiểu dự án của Chương trình 135 ở địa phương do 2 cơ quan chủ trì báo cáo về 2 Bộ khác nhau với quy định chưa thống nhất, nên việc tổng hợp báo cáo chấp hành còn bất cập.

Sau đây là những biểu đồ, biểu mẫu giám sát và báo cáo về việc thực hiện các tiểu dự án của Chương trình 135. Các biểu đồ này được ban hành kèm theo Thông tư số 39, có một vài chỉ tiêu về giới, còn lại nhiều chỉ số quan trọng đã bỏ qua yếu tố giới vì vậy, công tác báo cáo, giám sát cũng không chú trọng đến các vấn đề giới.

18 Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2016/TT-BLĐTBXH ngày 25/10/2016 của Bộ LĐ-TB-XH

2.3 Một số gợi ý về lồng ghép giới vào các biểu đồ giám sát hoạt động CT 135

Biểu đồ 04: Thông tin giám sát công trình cơ sở hạ tầng thuộc Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020

- Cột 15, 16, 17 và cột 18 (Lao động sử dụng) – cần được tách biệt đối với nam và nữ để thấy được mức độ tham gia vào công việc lao động được trả lương của nam và nữ có gì khác biệt. Cột 18 về lao động đóng góp của nam và nữ (không được trả công) cũng cần được tách biệt.
- Cột 19 và cột 20 - cần được tách biệt nam, nữ để thấy được sự khác biệt của nam và nữ trong tham gia giám sát và đào tạo/bồi dưỡng.
- Ngoài ra nhìn vào cột B (loại công trình) có thể hình dung về tác động và lợi ích mang đến cho nam và nữ có khác nhau như thế nào.

Biểu đồ 05: Thông tin giám sát hoạt động hỗ trợ PTSX, đa dạng hóa sinh kế-Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020

- Cột 13 (Khi họp thôn Ai đề xuất) – cần tách biệt nam, nữ. Vì ai (nam hay nữ) là người đề xuất các hoạt động có ý nghĩa quan trọng để hiểu được nhu cầu của họ.
- Cột 17, 18, 19, 20 (Số hộ tham gia tập huấn). Cần tách biệt nam, nữ tham gia vì “số hộ tham gia tập huấn” không thể hiện được yếu tố giới.

Biểu đồ 09: Thông tin giám sát hoạt động nâng cao năng lực cho cán bộ và cộng đồng thuộc CTMTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020.

- Cột 13 (Cộng đồng): cần được cụ thể hóa thành “nam, nữ” mới thấy được mức độ tham gia của nam, nữ tại cộng đồng trong các hoạt động nâng cao năng lực.

Biểu đồ 10: Thông tin về sự tham gia của hộ gia đình hưởng lợi trong lập kế hoạch cấp thôn hằng năm thực hiện Chương trình MTQGGN bền vững giai đoạn 2016-2020.

- Cột 7, 8 (Số PN tham gia họp) - nên là sửa lại thành “Tỷ lệ nữ tham gia họp” để so sánh với nam giới. Đây là biểu đồ đã có một số chỉ tiêu về giới.
- Cột 13 (Biểu quyết chọn ưu tiên) - cần tách riêng nam, nữ. Đây là ý rất quan trọng về biểu quyết lựa chọn ưu tiên – phản ánh nhu cầu và nguyện vọng của nam, nữ.



Photo: UN Women Việt Nam/ Le Quang Hoa

BIỂU ĐỒ 04

Thông tin giám sát công trình cơ sở hạ tầng thuộc Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020

(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2016/TT-BLĐTBXH ngày 25/10/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

STT	Loại công trình	Tổng vốn	Trong đó							Cấp làm chủ đầu tư		
			NS theo loại		NS theo cấp		Đóng góp của người hưởng lợi		Nguồn khác (nếu có)	Xã làm CĐT	Huyện làm CĐT	
			Đầu tư	Sự nghiệp	NSTW	NSDP	Bằng tiền	Bằng hiện vật qui ra tiền				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
1	(đường giao thông, đường ra khu sản xuất, thủy lợi, lớp học ...)											
2												
3												
4												
5												
6												
	TỔNG CỘNG											



Đối tượng thụ hưởng				Lao động sử dụng			Số ngày công đóng góp của cộng đồng (nếu có)	Cộng đồng có tham gia giám sát không (nếu cụ thể)	Có kế hoạch DT&BD không (nếu cụ thể)
Tổng số hộ	Số hộ nghèo	Số hộ cận nghèo	Số hộ DTTS	Tổng số lao động	Số lao động tại chỗ	% trả công tại chỗ/ tổng vốn đầu tư			
11	12	13	14	15	16	17	18	19	20

BIỂU ĐỒ 05

Thông tin giám sát hoạt động hỗ trợ PTSX, đa dạng hóa sinh kế-Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020

(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2016/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 10 năm 2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

STT	Tên Dự án	Quy mô hoạt động	Mã dự án/tiểu dự án	Cấp làm chủ đầu tư	Tổng vốn	Trong đó				Thời gian thực hiện	Số hộ tham gia
						Nguồn ngân sách		Đóng góp của người hưởng lợi			
						NSTW	NSĐP	Bảng tiến	Bảng hiện vật quy đổi ra tiền		
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	8
1	trồng..., chăn	(nếu rốt tổng diện tích canh tác, tổng số vật nuôi, tổng công suất chế biến...)	(ghi theo mã thống nhất cho các dự án, tiểu dự án)							(Dự kiến chu kỳ sản xuất, từ ngày ... đến ngày ...)	
2	nuôi..., nuôi										
3	trồng..., chế										
4	biến..., dịch vụ...										
5	- (nêu rõ theo										
6	tên của tổn-										
7	hóm; có theo quy hoạch sản xuất; thích ứng với biến đối khí hậu)										
	TỔNG CỘNG										



Trong đó				Khi họp thôn thì ai để xuất?	Số hộ tham gia tập huấn				% kinh phí NCNL/ tổng vốn của Dự án	Sau khi kết thúc chu kỳ sản xuất				
Số hộ nghèo	Số hộ cận nghèo	Số hộ mới thoát nghèo	Số hộ DTTS		Số hộ nghèo	Số hộ cận nghèo	Số hộ mới thoát nghèo	Số hộ DTTS		Năng suất tăng (nếu rõ)	Sản lượng tăng (nếu rõ)	Nâng cao chất lượng (nếu rõ)	Tăng thu nhập (nếu rõ mức tăng)	
9	10	11	12	13	17	18	19	20	22	23	24	25	26	
				(khi họp thôn để LKH thì hoạt động này do nữ để xuất là chính? Hay nam để xuất là chính? Hay cả hai nhóm?										

BIỂU ĐỒ 09

Thông tin giám sát hoạt động nâng cao năng lực cho cán bộ và cộng đồng thuộc CTMTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020

(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2016/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 10 năm 2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

STT	Loại hoạt động NCNL	Nội dung NCNL	Mã dự án/ tiểu dự án	Cấp làm chủ đầu tư	Tổng vốn	Trong đó		Thời gian thực hiện	Giảng viên	
						NSTW	NSDP			
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	
1	(tập huấn TOT, tập huấn ngân hàng, thăm quan học hỏi kinh nghiệm, FFS...)	(NCNL lập kế hoạch, thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng, bình đẳng giới, tiếp cận nhân học...)						(ghi rõ số ngày thực hiện)	(tư vấn, cán bộ tỉnh, cán bộ huyện, khác - nêu rõ)	
2										
3										
4										
5										
	TỔNG CỘNG									



Số người tham gia	Trong đó							Cấp chủ đầu tư	
	Cán bộ cấp tỉnh	Cán bộ cấp huyện	Cán bộ cấp xã	Trưởng thôn	Số cán bộ nữ	Cán bộ DTTS	Cộng đồng	huyện	tỉnh
6	7	8	9	10	11	12	13	14	15

....., ngày tháng năm

UBND huyện.....

(ký tên và đóng dấu)

BIỂU ĐỒ 10

Thông tin về sự tham gia của hộ gia đình hưởng lợi trong lập kế hoạch cấp thôn hằng năm thực hiện Chương trình MTQGGN bền vững giai đoạn 2016-2020

(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2016/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 10 năm 2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

STT	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Tổng số hộ trong thôn bản	Số hộ tham gia	Trong đó					
					Số hộ nghèo	Số hộ cận nghèo	Số hộ mới thoát nghèo	Số hộ DTTS	Số hộ phụ nữ làm chủ hộ	Số phụ nữ tham gia họp
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8
1	(Tên các thôn bản trong xã)	(nêu rõ thời gian thực hiện họp thôn để LKH)								
2										
3										
4										
5										
9			TỔNG CỘNG							



Chủ trì cuộc họp	Ngôn ngữ sử dụng thảo luận nhóm	Ước tính % có phát biểu	Tham gia của phụ nữ	Có biểu quyết chọn ưu tiên không?	Trong đó	
					Giơ tay	Phiếu kín
9	10	11	12	13	14	15
(nêu rõ chủ trì cuộc họp là trưởng thôn, hay cán bộ xã...)	(có thảo luận nhóm không? Nếu có thì dùng tiếng dân tộc hay tiếng Kinh)	(ước tính % số người tham gia có phát biểu)	(ước tính phụ nữ tham gia họp có tích cực phát biểu)			

3. LỒNG GHÉP GIỚI VÀO QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH

3.1 Các yêu cầu về giới trong quyết toán ngân sách

- Lồng ghép giới vào quá trình quyết toán ngân sách Chương trình 135 cần đảm bảo đánh giá hiệu quả cũng như tác động của ngân sách đến các nhóm nam và nữ và những nhóm yếu thế khác trong xã hội¹⁹.
- Báo cáo quyết toán của đơn vị sử dụng ngân sách, đơn vị dự toán cấp trên, ngân sách các cấp phải kèm theo thuyết minh đánh giá kết quả, hiệu quả chi ngân sách gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ của đơn vị, địa phương, lĩnh vực, chương trình, mục tiêu được giao phụ trách (Khoản 6, Điều 65, Luật NSNN 2015).
- Quyết toán ngân sách thực chất là kết thúc quá trình phân bổ và sử dụng nguồn lực công, ở đây cần lưu ý xem bình đẳng giới là một trong các mục tiêu và ưu tiên chính sách quan trọng đã được thực hiện chưa? Việc phân bổ và sử dụng đó có bình đẳng cho cả hai giới hay không?

Cụ thể cần xem xét:

- Việc phân bổ và sử dụng ngân sách có đúng với những gì đã được lên kế hoạch hay không? Kể cả những việc chi tiêu đúng quy định và đúng kế hoạch thì cần xem xét các chi tiêu này có thực sự thúc đẩy, giải quyết các vấn đề bình đẳng giới hay không? Các kết quả cụ thể là gì?
- Quyết toán ngân sách cần đảm bảo có đầy đủ thông tin, số liệu tách biệt theo giới tính. Để chứng minh được ngân sách chi tiêu mang lại lợi ích cho cả nam và nữ một cách bình đẳng, cần đưa ra các con số thực tế về sự tham gia và hưởng lợi của nam và nữ. Việc diễn giải mang tính chung chung và thiếu các số liệu chứng minh khó có thể thuyết phục rằng chi tiêu ngân sách mang lại lợi ích như nhau cho nữ và nam.

19 Cho đến nay, việc phân tích làm rõ tác động của NSNN tới sự phát triển kinh tế-xã hội, tới đời sống của các nhóm dân cư, trong đó có nam và nữ, còn ít được quan tâm trong quy trình truyền thống (Ủy ban Tài chính, Ngân sách của Quốc Hội và UNDP: Lồng ghép giới vào ngân sách nhà nước, 2007)

3.2 Những hạn chế về giới trong quyết toán ngân sách hiện nay

- Về quyết toán vốn đầu tư (vốn xây dựng công trình hạ tầng), theo Thông tư Hướng dẫn của Bộ Tài Chính²⁰, chủ đầu tư lập quyết toán dự án đầu tư, hoàn thành, báo cáo kèm theo hệ thống mẫu biểu. Tuy nhiên, báo cáo quyết toán không thể hiện được kết quả phân tích giới, các số liệu tách biệt theo giới tính, ví dụ bảng biểu trả tiền nhân công, tiền đền bù... cũng chỉ thể hiện số tiền và tên người nhận, không thể hiện cơ cấu về giới.
- Về quản lý, sử dụng vốn sự nghiệp (duy tu bảo dưỡng, hỗ trợ sản xuất và đào tạo): Thông tư của Bộ Tài chính²¹ có quy định khoản chi lập dự án ban đầu (lấy ý kiến nhân dân, xây dựng kế hoạch) và các khoản chi khác, việc quyết toán tùy theo tính chất hoạt động (duy tu bảo dưỡng quyết toán như vốn đầu tư), vốn sự nghiệp theo luật ngân sách.
- Quyết toán ngân sách nhìn từ góc giới là khái niệm mới, chưa được thực hiện ở Chương trình 135. Hiện nay, quyết toán các công trình, dự án mới thuần túy là quyết toán chấp hành chi tiêu, chưa có đánh giá hiệu quả chương trình, mặc dù khi xây dựng dự án đều có chỉ tiêu cụ thể như số người hưởng lợi, sản phẩm tăng thêm, tạo việc làm, tăng thu nhập, giảm tỷ lệ nghèo...
- Theo quy định, khi xây dựng kế hoạch năm sau phải đánh giá thực hiện kế hoạch năm trước, tuy nhiên việc đánh giá chỉ mang tính định tính, thủ tục để xin vốn, không có cơ quan nào kiểm chứng đánh giá kết quả đó.

20 Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 349/2016/TT-BTC quy định về thanh toán, quyết toán nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020. có hiệu lực thi hành ngày 14/02/2017.

21 Thông tư 15/2017/TT-BTC.

Để thực hiện công tác quyết toán ngân sách có trách nhiệm giới, ***cần có quy định đánh giá thực hiện dữ liệu đầu vào khi lập dự án, ví dụ:***

- Xác định bao nhiêu nữ, nam hưởng lợi từ công trình (tham gia lao động tăng thu nhập, số nữ, nam tham gia Ban giám sát, tổ duy tu bảo dưỡng, chủ hộ nữ/nam tham gia nhóm hộ dự án sản xuất, số nữ, nam được đào tạo tập huấn...).
- Định lượng hóa các kết quả, cần phân tích và khẳng định dự án hoàn thành hay chưa hoàn thành nhìn từ mục tiêu thúc đẩy bình đẳng giới.
- Muốn thực hiện quy định chấp hành ngân sách và quyết toán có lồng ghép giới phải có sự vào cuộc của các Bộ ngành TW, nhất là Bộ Tài chính cơ quan chủ trì ban hành quy định về chấp hành và quyết toán ngân sách có trách nhiệm giới.

3.3 Bảng kiểm về giới đối với quyết toán ngân sách

Để lồng ghép giới vào toán ngân sách, cần trả lời những câu hỏi sau đây:

- Kết quả thực hiện nhiệm vụ của đơn vị có số liệu về mức độ hưởng lợi hay tham gia của các nhóm nữ và nam? Nếu chưa có cần bổ sung như thế nào?
- Thuyết minh đánh giá kết quả, hiệu quả chi cho các hoạt động của tiểu dự án có phân tích sự khác biệt (nếu có) về hưởng lợi giữa các nhóm nữ và nam? Nếu chưa cần bổ sung như thế nào?
- Các hoạt động thúc đẩy bình đẳng giới đã được thực hiện là gì? (Gồm các hoạt động trực tiếp về bình đẳng giới và các hoạt động lồng ghép giới). Nếu chưa thực hiện, cần bổ sung vào kế hoạch năm sau như thế nào?
- Kết quả về bình đẳng giới đã được đạt trong năm ngân sách là gì? Nguyên nhân? Nếu chưa có số liệu để đánh giá thì cần bổ sung như thế nào?
- Có thể nói gì về tác động giới của ngân sách? Nếu chưa có số liệu hay bằng chứng về tác động giới thì cần bổ sung như thế nào?

- Việc phân bổ ngân sách đã phù hợp để thúc đẩy bình đẳng giới hay chưa? Nếu chưa thì vì sao và cần điều chỉnh như thế nào?
- Việc thực hiện nhiệm vụ kết hợp bình đẳng giới vào ngân sách đã gặp thuận lợi, thách thức gì? Cần rút kinh nghiệm và điều chỉnh như thế nào cho năm tài chính sau?

Hộp 23: Ví dụ về tiêu chí đánh giá ngân sách có trách nhiệm giới

- Sự tham gia của nữ/nam vào quá trình xây dựng và thực hiện các tiểu dự án của Chương trình 135.
- Lợi ích cụ thể mà các tiểu dự án của Chương trình 135 đem lại cho nữ/nam (tiếp cận nguồn lực: vốn, khoa học kỹ thuật, vật tư sản xuất...).
- Hỗ trợ việc làm, tạo thu nhập cho nữ/nam trong các hoạt động liên quan đến cơ sở hạ tầng và hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế.
- Nâng cao năng lực cho phụ nữ: Số phụ nữ tăng thêm tham gia ban giám sát cộng đồng, ban quản lý dự án...so với năm trước.
- Cải thiện chất lượng sử dụng thời gian của nữ, ví dụ giảm thời gian làm công việc không được trả công, bao gồm cả công việc chăm sóc không được trả công.

Các tiêu chí 1, 2 và 3 nhằm so sánh mức độ tham gia và hưởng lợi của nam và nữ thông qua số liệu và phân tích, đánh giá. Các tiêu chí 4 và 5 hướng vào việc giải quyết các vấn đề của phụ nữ nhằm nâng cao năng lực và giảm gánh nặng công việc gia đình – một trong những bất bình đẳng có tính dai dẳng đối với nữ giới và ảnh hưởng tiêu cực đến sự tham gia vào các hoạt động kinh tế và vai trò lãnh đạo của nữ.



Ảnh: UN Women Việt Nam/Hoàng Hiệp

NGHIÊN CỨU TÌNH HUỐNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH TIỂU DỰ ÁN 3 NÂNG CAO NĂNG LỰC

(Năm 201...., Tỉnh X)

TT	Nội dung	Quy mô	Đơn vị tính	Số lượng	Kinh phí		Ghi chú
					Kế hoạch	Thực hiện	
1	ĐÀO TẠO, TẬP HUẤN NÂNG CAO NĂNG LỰC CHO CÁN BỘ CƠ SỞ VÀ CỘNG ĐỒNG		Lớp	20	4.236.300.000		
1	Kỹ năng giám sát thi công xây dựng công trình và nghiệp vụ giám sát đầu tư Dự án cơ sở hạ tầng	- Tổng số 252 học viên: Xã ĐBK, ATK: 126 học viên/63 xã; Xã khu vực II: 111 học viên/37 xã; huyện: 12 người/6 huyện; tỉnh: 03 người; -Thời gian: 04 ngày/Lớp	Lớp	04	805.523.000	xxx	
2	Nghiệp vụ đấu thầu, đấu thầu công cộng và kỹ năng thực hiện gói thầu giao công cộng thi công theo cơ chế đặc thù	- Tổng số 150 học viên: Xã ĐBK, ATK: 63 học viên/63 xã; Xã khu vực II: 74 học viên/37 xã; huyện: 12 người/6 huyện; tỉnh: 01 người; -Thời gian: 04 ngày/Lớp	Lớp	02	462.417.000	xxx	
3	Trình tự thủ tục hồ sơ thi công công trình và công tác vận hành duy tu bảo dưỡng công trình cơ sở hạ tầng	- Tổng số 252 học viên: Xã ĐBK, ATK: 126 học viên/63 xã; Xã khu vực II: 111 học viên/37 xã; huyện: 12 người/6 huyện; tỉnh: 03 người; -Thời gian: 04 ngày/Lớp	Lớp	04	797.685.000	xxx	
4	Hướng dẫn trình tự thủ tục hồ sơ và quy trình triển khai hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo	- Tổng số 252 học viên: Xã ĐBK, ATK: 126 học viên/63 xã; Xã khu vực II: 111 học viên/37 xã; huyện: 12 người/6 huyện; tỉnh: 03 người; -Thời gian: 05 ngày/Lớp	Lớp	04	930.055.000	xxx	
5	Kỹ năng lãnh đạo quản lý, điều hành và quy trình triển khai thực hiện đầu tư cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn xã an toàn khu	- Tổng số 216 học viên: Xã: 100 học viên/ 100 xã; huyện: 12 người/6 huyện; tỉnh: 04 người; -Thời gian: 05 ngày/Lớp	Lớp	04	814.216.000	xxx	
6	Nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý phát triển sản xuất; quy trình lập quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và sự tham gia của cộng đồng cấp xã	- Tổng số 116 học viên: Xã: 100 học viên/100 xã; huyện: 12 người/6 huyện; tỉnh: 04 người; -Thời gian: 05 ngày/Lớp	Lớp	02	426.404.000	xxx	

TT	Nội dung	Quy mô	Đơn vị tính	Số lượng	Kinh phí		Ghi chú
					Kế hoạch	Thực hiện	
II	HỌC TẬP KINH NGHIỆM QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH 135						
1	Đợt 1: Tổ chức học tập kinh nghiệm quản lý chương trình 135 tại các tỉnh phía Nam	- Số lượng người 20 người. Đi trong 15 ngày - Thành phần gồm đại biểu cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã thực hiện Chương trình 135	Đợt	1	317.415.000	xxx	
2	Đợt 2: Tổ chức học tập kinh nghiệm quản lý chương trình 135 tại các tỉnh phía Nam	- Số lượng người 19 người. Đi trong 07 ngày - Thành phần gồm đại biểu cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã thực hiện Chương trình 135	Đợt	1	153.285.000	xxx	
	Tổng cộng				4.707.000.000		

Những nội dung nào về giới cần được làm rõ trong báo cáo kết quả thực hiện nêu trên trong quá trình quyết toán ngân sách

- Kết quả thực hiện có cung cấp số liệu cụ thể, tách riêng về mức độ tham gia của nữ và nam không?
- Thuyết minh đánh giá kết quả hiệu quả chi cho các hoạt động của tiểu dự án có phân tích sự khác biệt về hưởng lợi giữa các nhóm nữ và nam? Nếu chưa cần bổ sung như thế nào?
- Những vấn đề giới có liên quan đến việc thực hiện kế hoạch nêu trên là gì? (đối tượng, thành phần, số lượng, nội dung, nhu cầu đào tạo)
- Làm thế nào để đảm bảo bình đẳng giới trong tham gia và hưởng lợi từ các hoạt động nâng cao năng lực? (biện pháp khuyến khích tham gia, quy định, cách thức tổ chức....)
- Các hoạt động thúc đẩy BĐG đã được thực hiện là gì? (Gồm các hoạt động trực tiếp về bình đẳng giới và các hoạt động lồng ghép giới). Nếu chưa thực hiện, cần bổ sung vào kế hoạch năm sau như thế nào?

Hộp 24: Lồng ghép giới trong Báo cáo kết quả thực hiện hiệu quả chi ngân sách

(đối với tiểu dự án nâng cao năng lực)

- Làm rõ đối tượng tham gia, mức độ tham gia (tỷ lệ nam, nữ theo thành phần dân tộc).
- Đánh giá nhu cầu: Xác định nhu cầu của nữ, nam.
- Nội dung: Mức độ đáp ứng nguyện vọng và mối quan tâm của nữ, nam về nâng cao năng lực.
- Phương pháp: Ngôn ngữ, địa điểm, thời gian thuận lợi cho nữ giới.



Ảnh: UN Women Việt Nam/Le Tan Thanh



Ảnh: UN Women Việt Nam/Lê Hồng Đức



Vụ Dân tộc Thiểu số

Ủy ban Dân tộc (CEMA)

80 Phan Đình Phùng - Ba Đình - Hà Nội

Tel: 24 37349540/ 080 44695 - Fax: 24 3823112

<http://ubdt.gov.vn>

UN Women Việt Nam

Tòa nhà Xanh Một Liên Hợp Quốc

304 Kim Mã - Ba Đình - Hà Nội

Tel: 24 38501000 - Fax: 24 37265520

<http://vietnam.unwomen.org>